



HỮU LIÊN Á CHÂU
友聯亞洲鋼鐵

**NIỀM TIN VỮNG CHẮC
HƯỚNG ĐẾN TƯƠNG LAI**

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2012



Năm 2012 kết thúc với hàng loạt chỉ số kinh tế vĩ mô cơ bản đều không đạt được.

Trong bối cảnh kinh tế thế giới gặp khó khăn, cả nước tập trung thực hiện mục tiêu kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, điều đó gây ra tác động trực tiếp đến tốc độ tăng trưởng và ảnh hưởng hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, theo số liệu của Bộ Kế Hoạch và Đầu Tư, hơn 55000 doanh nghiệp phải đóng cửa, phá sản...

NIỀM TIN VỮNG CHẮC HƯỚNG ĐẾN TƯƠNG LAI

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2012

Hữu Liên Á Châu với mục tiêu tập trung củng cố mọi nguồn lực, giữ vững ổn định để đối mặt thách thức của ngành Thép Việt Nam nói chung, cũng như thách thức thay đổi trong công ty nói riêng, kết quả đã vượt qua được những khó khăn 2012 một cách ngoạn mục, tiếp tục giữ vững niềm tin, không ngừng phát triển.



MỤC LỤC

- 4 Thông điệp của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị
- 6 Con số và sự kiện nổi bật trong năm tài chính 2011-2012

NIỀM TIN VỮNG CHẮC VÀO NỀN TẢNG THÉP

- 10 Tầm nhìn, Sứ mệnh, Giá trị cốt lõi, Triết lý kinh doanh
- 12 35 năm hình thành và phát triển
- 14 Sơ đồ tổ chức công ty
- 14 Giới thiệu Hội Đồng Quản Trị – Ban kiểm soát
- 16 Giới thiệu Ban Điều Hành
- 18 Sản phẩm và dịch vụ
- 20 Năng lực sản xuất
- 24 Đầu tư liên kết - Các công ty con
- 30 Đối tác tin cậy

VƯỢT QUA KHÓ KHĂN – CÙNG CỐ THỊ PHẦN

- 34 Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh 2012
- 35 Đánh giá của Hội Đồng Quản Trị về hoạt động của công ty
- 37 Báo cáo và đánh giá của Ban Giám Đốc
- 40 Báo cáo Ban Kiểm Soát

HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI

- 46 Quản trị doanh nghiệp
- 48 Định hướng chiến lược 2013 đến 2018
- 50 Mở rộng thị trường nước ngoài

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2013

- 56 Báo cáo kiểm toán
- 57 Cân đối kế toán
- 61 Kết quả kinh doanh
- 62 Lưu chuyển tiền tệ
- 64 Thuyết minh Báo cáo tài chính

Thông điệp của **CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Kính thưa Quý Cổ đông, Quý khách hàng, Quý đối tác và Quý nhà đầu tư kính mến,

Thay mặt Hội đồng Quản trị, Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu, tôi xin được ghi nhận, và trân trọng cảm ơn sự tin tưởng, ủng hộ của quý vị trong suốt thời gian qua.

Thưa Quý vị,

Năm 2012 là năm kinh tế toàn cầu vẫn còn khủng hoảng, kinh tế vĩ mô của Việt Nam không khỏi bị ảnh hưởng nặng nề, hệ thống tài chính không ổn định, tín dụng bị bó hẹp, lãi suất bất ổn, doanh nghiệp rất khó khăn khi tiếp cận nguồn vốn. Về yếu tố đặc thù của ngành có tác động không nhỏ, là giá nguyên liệu biến động bất thường gây ảnh hưởng lớn đến doanh nghiệp.

Tuy nhiên, luôn cẩn trọng trong công tác hoạch định, đầu tư; và tính toán chi tiết cho các kế hoạch phát triển; Từ năm 2010, Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu đã khởi động quá trình Tái cấu trúc doanh nghiệp.

Và trong năm tài chính 2012 này, bên trong, chúng ta vẫn tiếp tục theo đuổi, kiên quyết thực hiện tái cấu trúc doanh nghiệp, nhất là tập trung vào hoạt động tái cấu trúc tài chính. Điều đó góp phần thiết lập lại cấu trúc vốn vững mạnh, cung cấp đủ vốn cổ phần và dòng tiền bảo đảm cho sự tăng trưởng trong tương lai, góp phần tối ưu hóa công tác quản trị rủi ro của Công ty.

Bên ngoài, tiếp tục giữ vững vị trí thương hiệu dẫn đầu thị phần ngành ống thép Việt Nam;

phát triển và mở rộng thị phần xuất khẩu sang các nước khu vực Đông Nam Á tổng sản lượng xuất khẩu tăng trưởng 152% so với 2011; Chủ động làm bị đơn tự nguyện, theo đuổi vụ kiện chống bán phá giá của Hoa Kỳ, để đảm bảo con đường xâm nhập và phát triển thị trường Mỹ - thị trường mục tiêu trong chiến lược dài hạn của công ty được dễ dàng.

Nhờ vậy, dù lợi nhuận chỉ đạt mức khiêm tốn so với những nỗ lực của doanh nghiệp, nhưng chúng ta đã đạt được những hiệu quả nhất định: đảm bảo mục tiêu duy trì, ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh; đưa con thuyền Hữu Liên Á Châu vượt qua một năm 2012 hết sức khó khăn.


Kết thúc niên độ tài chính 2012, hướng đến niên độ 2013 – mốc son đánh dấu 35 năm hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu, mục tiêu hướng đến của chúng ta là giữ vững sự ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh; vị thế thương hiệu, thị phần; và nhất là đảm bảo quyền lợi của Quý cổ đông, Quý khách hàng, Quý đối tác và Quý nhà đầu tư.

Một lần nữa tôi xin trân trọng cảm ơn sự quan tâm, ủng hộ của Quý vị trong suốt thời gian qua.

Tôi rất mong sẽ tiếp tục nhận được sự tin tưởng, ủng hộ và đồng hành của quý vị, để Hữu Liên Á Châu tiếp tục hành trình phát triển thành tập đoàn kinh doanh chuyên ngành thép hàng đầu tại Việt Nam, cũng như gia nhập hàng ngũ 100 thương hiệu hàng đầu ngành thép thế giới, đem lại lợi ích thiết thực cho Quý vị cũng như góp phần đem lại phần vinh cho cộng đồng xã hội.

Kính chúc quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Trân trọng,



TRẦN XẢO CƠ

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

“Nền tảng luôn đóng vai trò quyết định thành công và sự phát triển bền vững của doanh nghiệp, đặc biệt trong giai đoạn hiện nay”



CON SỐ VÀ SỰ KIỆN NỔI BẬT 2012

1

0% - là mức thuế suất chống bán phá giá và chống trợ cấp mà Hữu Liên Á Châu được hưởng khi xuất khẩu sản phẩm sang thị trường Mỹ

Với vai trò bị đơn tự nguyện vì đã chủ động tự nguyện đăng ký tham gia vụ kiện chống bán phá giá, để được hưởng thuế suất riêng rẽ cũng như các ưu đãi của Chính phủ Hoa Kỳ.

Hữu Liên Á Châu đã hết sức nghiêm túc theo đuổi vụ kiện, và kết quả trên cả mong đợi khi phán quyết cuối cùng, Hữu Liên Á Châu không bị áp thuế suất chống trợ cấp và chống bán phá giá khi xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ.

Đây là một tin vui khi Hữu Liên Á Châu xác định Hoa Kỳ là một thị trường tiềm năng trong chiến lược kinh doanh dài hạn của mình.

2

Tháng 4/2012, chính thức giới thiệu sản phẩm mới **“ỐNG THÉP HÀN – loại dày Hữu Liên Á Châu”**

Với nền tảng sản phẩm chất lượng, thương hiệu uy tín gần 35 năm, luôn là tên tuổi và lựa chọn hàng đầu trong phân khúc ống thép, Hữu Liên Á Châu tự tin đầu tư đầu tư hệ thống máy móc, dây chuyền công nghệ hiện đại đến hàng triệu USD, với công suất lên đến 5.000 tấn/ tháng, chính thức bước chân vào thị trường ống thép xây dựng dân dụng, với mục đích mở rộng phục vụ cho cả thị trường nội địa đa dạng và cả thị trường quốc tế.

Đây là một cột mốc đáng tự hào của Hữu Liên Á Châu trong chặng đường gần 35 năm nỗ lực cải tiến, nâng cao chất lượng sản phẩm, nhằm góp phần đa dạng hóa lựa chọn của khách hàng và sự phát triển của nền công nghiệp thép nói riêng, và ngành xây dựng nói chung.

NIỀM TIN VỮNG CHẮC VÀO NỀN TẢNG THÉP

Năm 2013 Hữu Liên Á Châu chính thức tròn 35 năm hình thành và phát triển.

Nét đặc trưng của Hữu Liên Á Châu chính là đội ngũ nhân sự đầy nhiệt huyết, trung thành và cống hiến hết sức lực và tài năng của mình cho sự phát triển thương hiệu của Công ty trong suốt hơn 35 năm lịch sử. Và cũng chính nét văn hóa này đã giúp Công ty ổn định trong thời gian hiện tại trước sự biến động của môi trường kinh doanh và tạo nền tảng vững chắc cho Hữu Liên Á Châu phát triển, hướng đến mục tiêu trở thành tập đoàn hàng đầu ngành thép trong tương lai.

Việc xây dựng được một nền tảng vững chắc, làm cơ sở cho sự phát triển không ngừng nghỉ, luôn đóng vai trò quyết định sự thành công và bền vững của doanh nghiệp, đặc biệt trong giai đoạn hiện nay. Ý thức được điều đó, Hữu Liên Á Châu luôn chú trọng xây dựng các giá trị cốt lõi và bổ sung các yếu tố tích cực để ngày càng phát huy thế mạnh của mình.



NIỀM TIN VỮNG CHẮC

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Hài lòng đối tác

- Tôn trọng và hợp tác đôi bên cùng có lợi.
- Chăm sóc và đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng.

Giữ gìn uy tín

- Trung thực và giữ lời hứa với khách hàng, cộng sự.

Tinh thần đồng đội

- Trách nhiệm, hỗ trợ và cởi mở trong quan hệ đồng nghiệp.

Hiệu quả công việc

- Lấy hiệu quả công việc làm thước đo trong mọi hoạt động.

TRIẾT LÝ KINH DOANH

"Mỗi khách hàng, mỗi cộng sự là một bằng hữu; và mỗi sản phẩm là một lời cam kết về giá trị."

Hữu Liên Á Châu giữ vững cam kết cung cấp chất lượng vượt trội thông qua việc đảm bảo quy trình phù hợp, đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế và ứng dụng công nghệ tiên tiến để tạo ra các sản phẩm có độ bền cao.

Hữu Liên Á Châu hoạt động theo tiêu chí "Uy tín vàng" thông qua việc lắng nghe khách hàng, tăng cường năng lực ban lãnh đạo và nhân viên, đẩy mạnh mối quan hệ chiến lược để mang đến sự phát triển bền vững cho cổ đông, nhà đầu tư và nhân viên.

TÂM NHÌN

Gia nhập hàng ngũ 100 thương hiệu hàng đầu ngành thép thế giới và trở thành một tập đoàn kinh doanh chuyên ngành thép hàng đầu tại Việt Nam.

SỨ MỆNH

Mang đến sự hài lòng cho các đối tác, cộng sự với sự trân trọng của tình bằng hữu thông qua việc thực hiện những cam kết trong kinh doanh.

TOP 100



- **2012** Ra mắt sản phẩm mới Ống thép hàn - Loại dày Hữu Liên Á Châu
- **2011** Hoàn thành giai đoạn 1 quá trình "Tái cấu trúc doanh nghiệp"
- **2010**
 - Hoàn thành xây dựng giai đoạn 1 của nhà máy ống Thép Hữu Liên tại Long An
 - Hoàn tất quy hoạch chi tiết 1/500 Khu phức hợp Dân cư, Thương mại Hữu Liên Á Châu tại quận Bình Tân
- **2009**
 - Thành lập Công ty TNHH Một thành viên Thép Hữu Liên, chuyên sản xuất và kinh doanh ống thép (cả ống thép dân dụng lẫn công nghiệp)
 - Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu tăng vốn điều lệ lên 328 tỷ đồng
- **2008**
 - Công ty Hữu Liên Á Châu được niêm yết trên Sàn giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) và nhận giải Sao Vàng Đất Việt
 - Mở rộng sản phẩm: đưa ra thị trường sản phẩm ống thép mạ kẽm
 - **Thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Hữu Liên** chuyên hoạt động trong lĩnh vực bất động sản và đầu tư tài chính
- **2007**
 - Mở rộng hoạt động kinh doanh
 - **Thành lập Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên**, sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nội thất và sản phẩm ứng dụng từ ống thép
- **2001** **Thành lập Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu**
- **1995** Xây dựng và đưa vào hoạt động dự án sản xuất ống thép
- **1996** tại làng Tân Kiên, Quận Bình Chánh, TP. HCM
- **1990** Chính thức đổi tên Doanh nghiệp Tư nhân Hữu Liên
- **1992**
- **1988** Thành lập Xí nghiệp Tư nhân Hữu Liên
- **1980** Xí nghiệp Tư doanh Hữu Liên
- **1986**
- **1978** Hữu Liên khởi đầu là một xưởng nhỏ chuyên sản xuất nan hoa xe đạp

NIỀM TIN VỮNG CHẮC

35 ¹⁹⁷⁸⁻²⁰¹³ NĂM

HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Sự phát triển được tạo ra bằng cách luôn luôn hướng về phía trước, vượt qua những trở ngại bằng tầm nhìn dài hạn, chiến lược đúng và quyết tâm cao của tổ chức.



Năm 2008

Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu đã chính thức được niêm yết trên Sàn giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE).



NIỀM TIN VỮNG CHẮC

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BAN KIỂM SOÁT



TRẦN XẢO CƠ
Chủ tịch



TRẦN TUẤN NGHIỆP
Phó Chủ tịch



BÙI QUANG HIỆP
Thành viên



ĐOÀN MINH TIẾN
Thành viên



PHAN VĂN DŨNG
Thành viên



KHUU KIM HÒA
Trưởng Ban Kiểm Soát

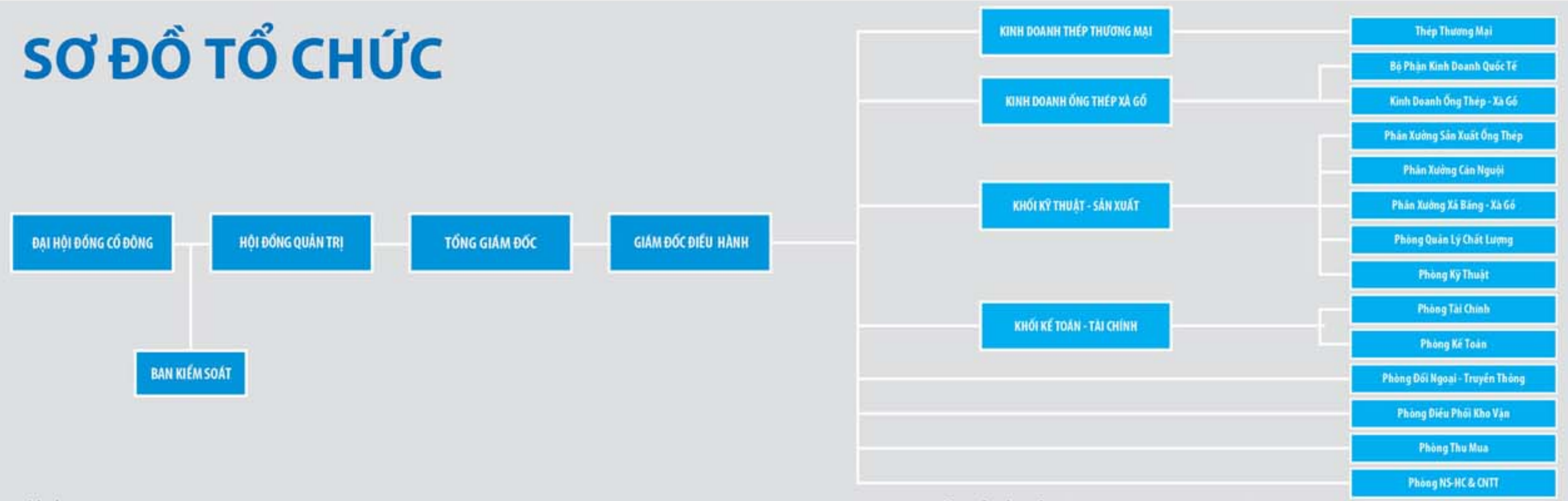


LÊ ANH HẢI
Thành viên



NGUYỄN THỊ HOÀNG VÂN
Thành viên

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



NIỀM TIN VỮNG CHẮC



BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Gồm các thành viên:

1. TRẦN TUẤN NGHIỆP - Tổng Giám Đốc
2. BÙI QUANG HIỆP - Giám Đốc Điều Hành
3. TRẦN TUẤN MINH - Giám Đốc Kỹ Thuật
4. PHẠM TRẦN ÁI TRUNG - Giám Đốc Tài Chính

SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ



Là một trong những công ty sản xuất ống thép lớn nhất Việt Nam hiện nay, Hữu Liên Á Châu cung cấp cho thị trường các mặt hàng đa dạng như: ống thép dân dụng, ống thép kết cấu, ống thép công nghiệp, ống inox, xà gỗ, thép tấm, thép lá, ống thép mạ điện, thép mạ màu...

Với lợi thế là một thương hiệu hàng đầu trên thị trường ống thép tại Việt Nam, Hữu Liên Á Châu luôn cam kết đảm bảo nguồn cung ứng liên tục và đầy đủ, đáp ứng tốt nhất tất cả các nhu cầu của khách hàng trong và ngoài nước với đội ngũ nhân viên chăm sóc khách hàng chuyên nghiệp và tận tâm.



NIỀM TIN VỮNG CHẮC VÀO NỀN TẢNG THÉP



Ống thép hàn dây



Ống thép đen vuông



Ống thép mạ kẽm



Xà gỗ



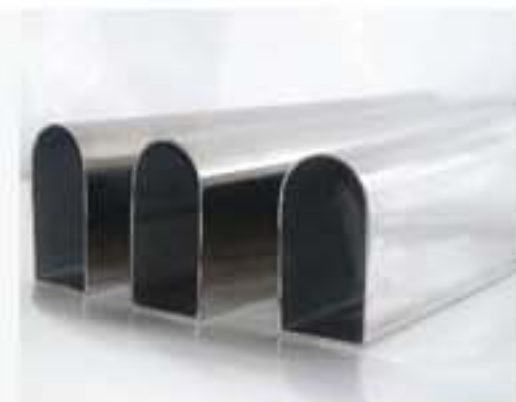
Ống inox tròn



Ống inox vuông



Ống inox oval



Ống inox chữ D



Thép tấm



Thép lá



Thép cuộn



Thép băng

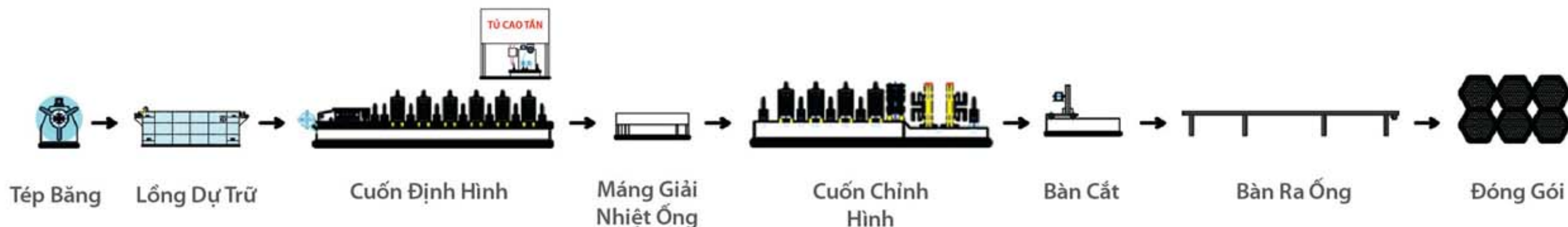


NIỀM TIN VỮNG CHẮC

CHẤT LƯỢNG VƯỢT TRỘI

Để đảm bảo cung ứng cho khách hàng những sản phẩm đa dạng, chất lượng vượt trội và đúng quy chuẩn; dây chuyền sản xuất tại Hữu Liên Á Châu được trang bị công nghệ hiện đại của Đài Loan và Hàn Quốc. Ngoài ra, quy trình sản xuất của Hữu Liên Á Châu luôn luôn tuân thủ nghiêm ngặt quy định về đảm bảo chất lượng của hệ thống quản lý chất lượng ISO.

QUY TRÌNH SẢN XUẤT



“MỖI SẢN PHẨM LÀ MỘT LỜI CAM KẾT VỀ CHẤT LƯỢNG”

Thông qua hệ thống quản lý chất lượng ISO, dây chuyền công nghệ hiện đại và đội ngũ công nhân có tay nghề cao, Hữu Liên Á Châu cam kết mang đến cho khách hàng những sản phẩm chất lượng tốt nhất, đúng chuẩn và đạt các tiêu chuẩn theo quy định của Việt Nam và Quốc tế.



NIỀM TIN VỮNG CHẮC

NGUỒN NHÂN LỰC BẢN SẮC HỮU LIÊN

Hữu Liên Á Châu luôn chú trọng công tác đào tạo nhằm nâng cao kỹ năng, kiến thức cho người lao động vì chúng ta ý thức được rằng nguồn nhân lực là vô cùng quý giá, quyết định sự thành công và phát triển của Công ty.



SỐ LƯỢNG NHÂN VIÊN VÀ CHÍNH SÁCH VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

1. Số lượng lao động

Tính đến ngày 30/09/2012, số lượng người lao động trong Công ty là 804 người. Cơ cấu lao động của Công ty phân theo giới tính, trình độ chuyên môn như sau:

Phân theo giới tính	Số lượng người tại thời điểm				
	31/12/2008	31/12/2009	31/12/2010	30/09/2011	30/09/2012
Nam	442	577	657	710	412
Nữ	67	72	85	94	58

Phân theo trình độ chuyên môn	Số lượng người tại thời điểm				
	31/12/2008	31/12/2009	31/12/2010	30/09/2011	30/09/2012
Đại học và trên Đại học	28	28	37	50	54
Sơ cấp nghề, Trung cấp, Cao đẳng	57	74	252	320	122
Lao động phổ thông	424	547	453	434	294

Mức lương bình quân/tháng của người lao động lần lượt:

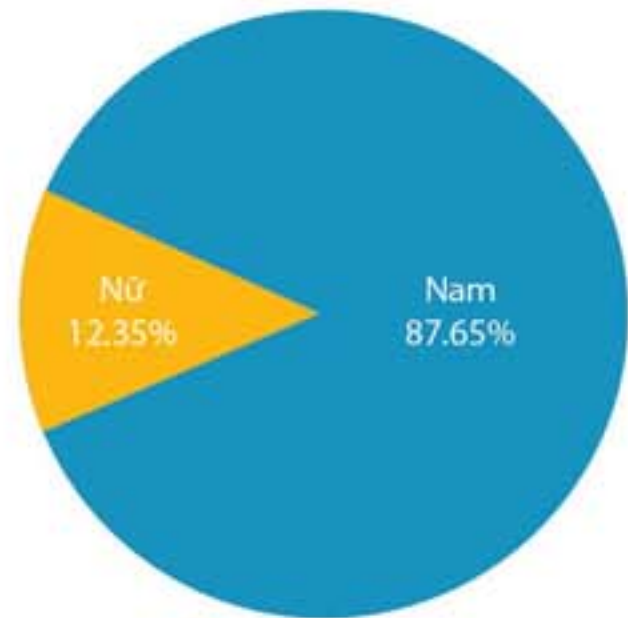
- Năm 2011 : 6.100.000,00 đồng
- Năm 2012: 7.237.000,00 đồng

2. Chính sách với người lao động

Chính sách lương và phụ cấp:

Công ty xây dựng chính sách tiền lương đồng bộ thống nhất, tiền lương được trả đúng căn cứ trên mức độ lao động và tính chất công việc, mức đóng góp của người lao động. Chính sách tiền lương của Công ty như sau:

- Lương tháng của cán bộ nhân viên được trả căn cứ theo bảng lương của Công ty và các chế độ khác theo qui định của Luật Lao động.



Tỷ lệ CBCNV nam nữ
(Tại thời điểm 30/09/2012)

- Cán bộ nhân viên có thể được điều động làm thêm giờ. Cách tính lương thêm giờ và tổng giờ làm thêm trong tháng được thực hiện đúng theo Luật Lao động Việt Nam.

• Chế độ nâng bậc lương: Công ty xét duyệt, điều chỉnh lương và tiến công được tiến hành vào tháng 7 hàng năm dựa trên các yếu tố và điều kiện xét duyệt nâng lương. Ngoài ra, Công ty có chế độ phụ cấp: phụ cấp chức vụ; phụ cấp độc hại đối với công nhân làm ở bộ phận sản xuất có tính độc hại; trợ cấp tiền cơm...

Bảo hiểm và phúc lợi:

- Công ty đảm bảo đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các quyền lợi khác của nhân viên theo luật định.

Chính sách khen thưởng:

- Thưởng: Công ty có chính sách thưởng để khuyến khích người lao động hăng hái tham gia sản xuất, cải tiến kỹ thuật mang lại lợi nhuận, đóng góp vào sự phát triển của Công ty. Các hình thức thưởng của Công ty bao gồm: lương tháng 13, thưởng vượt mức sản lượng, thưởng cải tiến kỹ thuật...

Chính sách đào tạo:

- Công ty luôn chú trọng công tác đào tạo nhằm nâng cao kỹ năng, kiến thức cho người lao động vì công ty luôn ý thức được rằng nguồn nhân lực là vô cùng quý giá, quyết định sự thành công và phát triển của Công ty.

- Đào tạo nâng cao nghiệp vụ cho nhân viên có thể được tiến hành theo các hình thức sau: Đào tạo nội bộ; Mời chuyên gia bên ngoài đến đào tạo tại Công ty hoặc gửi nhân viên Công ty dự học các khoá đào tạo tại bên ngoài.

• Thường xuyên mở các lớp về an toàn lao động, tay nghề, các cán bộ kỹ thuật, quản lý điều hành được cử tham gia các buổi hội thảo, học tập để nắm bắt, triển khai và ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ mới.

Chế độ nghỉ phép, lễ, tết:

- Công ty thực hiện theo luật định.

Tổ chức công đoàn:

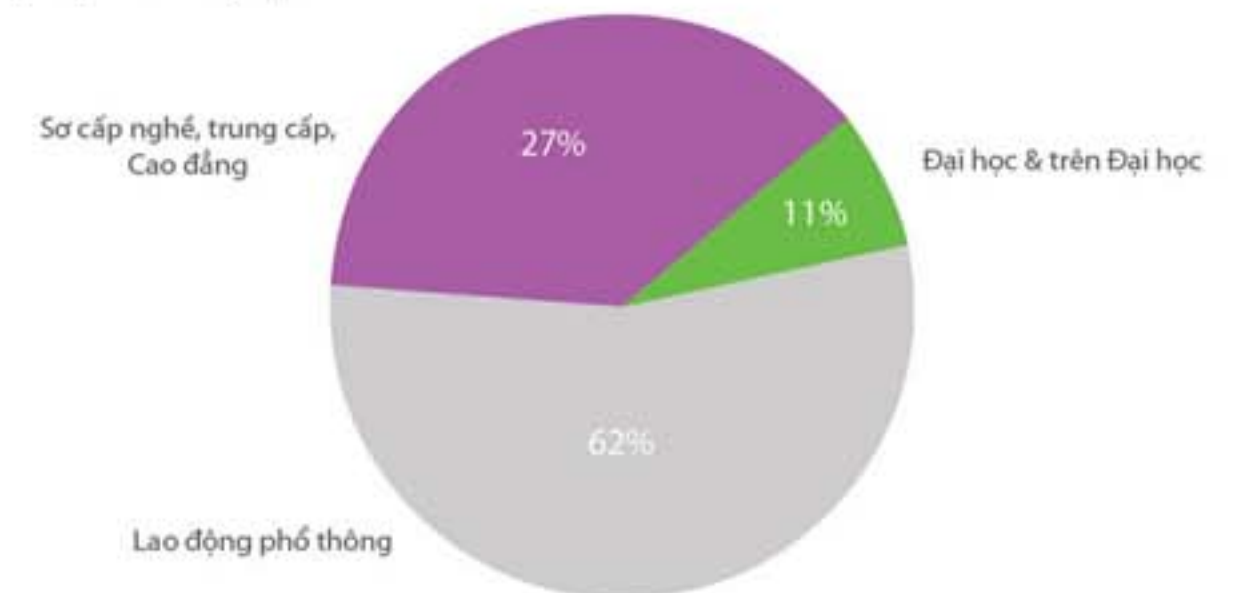
- Công đoàn Công ty được tổ chức và hoạt động theo Luật Công đoàn và các luật liên quan khác.

Chính sách nhân sự:

- Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp và thân thiện
- Chú trọng đào tạo nâng cao năng lực đội ngũ hiện tại.
- Thu hút nhân tài
- Chính sách thu nhập cạnh tranh
- Khen thưởng công bằng.

Phúc lợi:

Làm việc tại Hữu Liên Á Châu người lao động luôn nhận được sự quan tâm chia sẻ, vì: Không chỉ đơn thuần là lương, không chỉ là nghề nghiệp, mà còn có cơ hội học tập, đào tạo; Và phúc lợi cho chính gia đình người lao động.



NIỀM TIN VỮNG CHẮC TÍN DANH NGÀNH THÉP

Trong suốt 34 năm hình thành và phát triển,

Thương hiệu Hữu Liên Á Châu

đã được khách hàng tín nhiệm cao tại thị trường Việt Nam. Điều này thể hiện qua các giải thưởng và danh hiệu cao quý mà Công ty được trao tặng...

Sao Vàng Đất Việt 2008, 2009 và 2010

1 trong 500 doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam 2011

Cúp vàng Thương hiệu - Vietbuild 2011



NIỀM TIN VỮNG CHẮC

ĐẦU TƯ LIÊN KẾT - CÁC CÔNG TY CON

1. CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ trụ sở chính	R1-49 Khu phố Hưng Phước 4, Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7, TP. HCM																								
Điện thoại	(84-8) 5412 2948 – (84-8) 5412 0781																								
Fax	(84-8) 5412 2947																								
Vốn điều lệ	39,7635 tỷ đồng																								
Vốn góp của Hữu Liên Á Châu	30,68%																								
Giấy chứng nhận ĐKKD	Số 4103007675 Sở Kế hoạch & Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30 tháng 8 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 4 vào ngày 28 tháng 7 năm 2009																								
Người Đại diện theo Pháp luật	Ông Trần Tuấn Minh – Giám đốc Công ty																								
Website chính thức	http://www.minghuulien.com.vn																								
Thông tin chung	<p>Minh Hữu Liên tiến thân là một bộ phận sản xuất các sản phẩm nội thất phục vụ cho nhu cầu xuất khẩu sang thị trường quốc tế của Hữu Liên Á Châu được thành lập từ năm 2003.</p> <p>Dựa trên nền tảng vững chắc đó, Minh Hữu Liên chính thức tách khỏi Hữu Liên Á Châu và thành lập Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên vào tháng 8 năm 2007 với Hữu Liên Á Châu là một trong những cổ đông chính.</p> <p>Hoạt động</p> <p>Công ty chuyên sản xuất và mua bán sản phẩm gia dụng có nguồn gốc nguyên liệu từ sắt thép. Trong đó, chú trọng phát triển hai dòng sản phẩm chính:</p> <ul style="list-style-type: none">- Sản phẩm trang trí nội thất cao cấp với thương hiệu Ming Furniture như bàn ghế văn phòng, trường học, nhà hàng...- Sản phẩm ứng dụng từ thép với thương hiệu MING: Thương hiệu nội thất nhập khẩu cao cấp Moderno; xe đẩy hàng hoá, kệ thép... <p style="text-align: right;">ĐVT: Tỷ đồng</p> <table><thead><tr><th>STT</th><th>Chỉ tiêu</th><th>2012</th><th>2011</th><th>2010</th><th>2009</th></tr></thead><tbody><tr><td>1</td><td>Doanh thu bán hàng</td><td>282,93</td><td>189,15</td><td>252,00</td><td>152,00</td></tr><tr><td>2</td><td>Lợi nhuận trước thuế</td><td>3,03</td><td>3,52</td><td>4,39</td><td>9,56</td></tr><tr><td>3</td><td>Lợi nhuận sau thuế</td><td>1,81</td><td>2,10</td><td>2,97</td><td>7,68</td></tr></tbody></table>	STT	Chỉ tiêu	2012	2011	2010	2009	1	Doanh thu bán hàng	282,93	189,15	252,00	152,00	2	Lợi nhuận trước thuế	3,03	3,52	4,39	9,56	3	Lợi nhuận sau thuế	1,81	2,10	2,97	7,68
STT	Chỉ tiêu	2012	2011	2010	2009																				
1	Doanh thu bán hàng	282,93	189,15	252,00	152,00																				
2	Lợi nhuận trước thuế	3,03	3,52	4,39	9,56																				
3	Lợi nhuận sau thuế	1,81	2,10	2,97	7,68																				

2. CÔNG TY TNHH MTV THÉP HỮU LIÊN

Địa chỉ trụ sở chính	Lô B15-B21, KCN Phú An Thạnh, Đường Tỉnh 830, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An																								
Điện thoại	(84-72) 3638868																								
Fax	(84-72) 3638869																								
Vốn điều lệ	100 tỷ đồng																								
Vốn góp của Hữu Liên Á Châu	100%																								
Giấy chứng nhận ĐKKD	Số 1101117327																								
Người Đại diện theo Pháp luật	Ông Bùi Quang Hiệp - Giám đốc Công ty																								
Website chính thức	http://www.huulienasia.com.vn																								
Thông tin chung	<p>Công ty TNHH MTV Thép Hữu Liên Long An, được thành lập năm 2009 với chức năng chuyên sản xuất và kinh doanh ống thép, cả ống thép dân dụng và ống thép công nghiệp. Đến năm 2010 Cty đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ từ 10 tỷ lên 100 tỷ đồng và đưa vào vận hành 6 dây chuyền sản xuất ống thép dân dụng với tổng công suất khoảng 40,000 tấn/ năm.</p> <p>Năm 2011, Cty đã bắt đầu khởi công xây dựng và lắp đặt dây chuyền sản xuất ống thép kết cấu công nghiệp đầu tiên, đây là dây chuyền hiện đại được nhập trực tiếp từ Hàn Quốc và được các chuyên gia nước ngoài tư vấn trong suốt quá trình xây dựng và lắp đặt, sẽ được hoàn thành và đưa vào sản xuất trong năm 2012. Dự kiến sản phẩm ống thép kết cấu công nghiệp hàn dầy của công ty TNHH Thép MTV Hữu Liên sẽ trở thành sản phẩm chủ lực trong định hướng phát triển của Hữu Liên Á Châu</p> <p style="text-align: right;">ĐVT: Tỷ đồng</p> <table><thead><tr><th>STT</th><th>Chỉ tiêu</th><th>2012</th><th>2011</th><th>2010</th><th>2009</th></tr></thead><tbody><tr><td>1</td><td>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</td><td>881,30</td><td>177,96</td><td>-</td><td>-</td></tr><tr><td>2</td><td>Lợi nhuận trước thuế</td><td>0,14</td><td>(24,35)</td><td>(4,21)</td><td>(0,001)</td></tr><tr><td>3</td><td>Lợi nhuận sau thuế</td><td>0,14</td><td>(24,35)</td><td>(4,21)</td><td>(0,001)</td></tr></tbody></table>	STT	Chỉ tiêu	2012	2011	2010	2009	1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	881,30	177,96	-	-	2	Lợi nhuận trước thuế	0,14	(24,35)	(4,21)	(0,001)	3	Lợi nhuận sau thuế	0,14	(24,35)	(4,21)	(0,001)
STT	Chỉ tiêu	2012	2011	2010	2009																				
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	881,30	177,96	-	-																				
2	Lợi nhuận trước thuế	0,14	(24,35)	(4,21)	(0,001)																				
3	Lợi nhuận sau thuế	0,14	(24,35)	(4,21)	(0,001)																				

3. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG ĐẾN NGÀY 10/12/2012

1. Loại Hình Sở Hữu (ĐVT: 1.000 ĐỒNG)

ĐỐI TƯỢNG	Số lượng CP đã lưu ký	Số lượng CP chưa lưu ký	Tổng cộng	Tỷ lệ (%) sở hữu
I. Cổ đông là thành viên chủ chốt	327,440	6,147,410	6,474,850	18.8%
II. Cổ phiếu quỹ	-	14,800	14,800	0.043%
III. Cổ đông khác	17,707,377	10,245,440	27,952,817	81.157%
1. Trong nước	17,468,001	10,245,440	27,713,441	80.4%
1.1 Cá nhân	14,274,317	5,342,440	19,616,757	56.9%
1.2 Tổ chức	3,193,684	4,903,000	8,096,684	23.56%
2. Nước ngoài	239,376	-	239,376	0.69%
1.1 Cá nhân	214,130	-	214,130	0.62%
1.2 Tổ chức	25,246	-	25,246	0.07%
TỔNG CỘNG	18,034,817	16,407,650	34,442,467	100.00%

2. Cơ Cấu Tỷ Lệ Sở Hữu (ĐVT: 1.000 ĐỒNG)

DANH MỤC	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng cộng	
	Giá trị	Tỷ lệ(%)	Giá trị	Tỷ lệ(%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)
Tổng vốn đầu tư CSH	342.104.170	99.38%	2.393.760	0,62%	344.497.930	100%
Cổ đông sở hữu từ 5% trở lên	34.840.000	10.11%	-	0,00%	34.840.000	10.11%
Cổ đông sở hữu từ 1% đến dưới 5%	101.559.200	29.48%	-	0,00%	101.559.200	29.48%
Cổ đông sở hữu dưới 1%	207.950.730	60.36%	214.130	0,62%	207.950.730	60.36%
Công đoàn Công ty	-	-	-	-	-	-
Cổ phiếu quỹ	148.000	0.043%	-	-	148.000	0.043%

3. Danh Sách Chi Tiết Về Thành Viên Chủ Chốt

Họ và tên	Số lượng CP đã lưu ký	Số lượng CP chưa lưu ký	Số lượng CP	Tỷ lệ (%) sở hữu
Trần Xảo Cơ – Chủ tịch HĐQT	3.484.000	-	3.484.000	10.11%
Trần Tuấn Nghiệp – Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	1.584.400	-	1.584.000	4.5%
Bùi Quang Hiệp – Thành viên HĐQT kiêm GD điều hành	50.000	135.000	185.000	0.54%
Phan Văn Dũng – Thành viên HĐQT	50.000	58.780	108.780	0.31%
Đoàn Minh Tiến – Thành viên HĐQT	-	-	-	-
Trần Tuấn Minh – Giám đốc Kỹ thuật	881.510	113.160	994.670	2.88%
Phạm Trần Ái Trung – Giám đốc Tài chính	30.000	-	30.000	0.087%
Nguyễn Thị Thanh Loan – Kế toán trưởng	7.000	4.200	11.200	0.03%
Khuu Kim Hòa – Trưởng Ban Kiểm Soát	30.000	125.600	155.600	0.45%
Lê Anh Hải – Thành viên BKS	30.000	93.100	123.100	0.357%
Nguyễn Thị Hoàng Văn – Thành viên BKS	5000	-	5000	0.014%
TỔNG CỘNG	6.147.410	327.440	6.474.850	18.8%

NIỀM TIN VỮNG CHẮC VÀO NỀN TẢNG THÉP





NIỀM TIN MỮNG CHẮC ĐỐI TÁC TIN CẬY

Hữu Liên Á Châu luôn tôn trọng triết lý “Khách hàng là bằng hữu”. Đây cũng chính là cam kết lâu dài của Công ty trong mối quan hệ gắn bó mật thiết với các nhà cung cấp, quý khách hàng trên cơ sở tôn trọng lẫn nhau và đôi bên cùng có lợi.

Và cũng chính tình “bằng hữu” này mà các đối tác của Hữu Liên Á Châu như Cofico, Thép Đông Á, Goonam Vina, Lưu Nguyễn ... đã giúp đưa sản phẩm ống thép Hữu Liên vào sử dụng rộng rãi trong các công trình xây dựng dân dụng, hạ tầng, khách sạn, văn phòng và cao ốc nổi tiếng tại Việt Nam như Kumho Asiana Saigon (Khách sạn Intercontinental), Saigon Pearl, sân bay Cần Thơ, tòa nhà Vincom...





VƯỢT QUA KHÓ KHĂN CỦNG CỐ THỊ PHẦN

Báo cáo TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

A. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM TÀI CHÍNH 2012 (GIAI ĐOẠN TỪ 01/10/2011 ĐẾN 30/09/2012)

Nền kinh tế Việt Nam năm 2012 đầy khó khăn, trì trệ, phức tạp và bất ổn. Trong năm Chính phủ đã áp dụng nhiều giải pháp để kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, thắt chặt quản lý tiền tệ. Do đó, hầu hết các Dự án đầu tư công bị thắt chặt và các Công trình xây dựng trong năm 2012 đều phải tạm ngưng hoạt động, các ngành công nghiệp phục vụ cho lĩnh vực xây dựng đều gặp nhiều khó khăn.

Và có thể nói năm 2012 là năm vô cùng khó khăn với ngành thép Việt Nam, do trong năm nhu cầu độ tiêu thụ thép trên thị trường liên tục giảm sút, nên lượng thép tồn kho trong các doanh nghiệp khá cao và hầu hết các doanh nghiệp thép trong nước đều gặp khó khăn về quay vòng vốn kinh doanh và phải sản xuất cầm chừng để duy trì hoạt động.

Trước những khó khăn trên HĐQT, Ban Giám đốc và toàn thể cán bộ nhân viên của Công ty CP Hữu Liên Á Châu đã chung sức cùng nhau vượt qua khó khăn và ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh. Cụ thể kết quả hoạt động kinh doanh đã thực hiện trong năm tài chính 2012 (giai đoạn 01/10/2011 đến 30/9/2012) như sau:

ĐVT: Tỷ đồng

STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH NĂM 2012	THỰC HIỆN NĂM 2012	THỰC HIỆN/ KẾ HOẠCH
1	Doanh thu thuần	3.200,00	4.976,96	155%
2	Lợi nhuận trước thuế	46,00	23,40	51%
3	Chi phí thuế TNDN	11,50	7,65	67%
4	Lợi nhuận sau thuế	34,50	15,75	46%

B. MỘT SỐ CHỈ TIÊU CƠ BẢN VỀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY

ĐVT: Tỷ đồng

STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH NĂM 2011	THỰC HIỆN NĂM 2012	+ / - CỦA 2012 / 2011
A. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH				
1.	Tổng giá trị tài sản	2.414,11	2.299,14	(114,97)
2.	Doanh thu thuần	4.385,20	4.976,96	591,76
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(14,78)	4,20	18,98
4.	Lợi nhuận khác	1,30	20,81	19,51
5.	Lợi nhuận trước thuế	(11,11)	23,40	34,51
6.	Lợi nhuận sau thuế (LNST)	(17,33)	15,75	33,08
B. CÁC CHỈ TIÊU KHÁC				
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
	- Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,03	1,02	(0,01)
	- Hệ số thanh toán nhanh	0,63	0,65	0,02
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
	- Hệ số nợ / Tổng tài sản	0,80	0,79	(0,01)
2.	- Hệ số nợ / Vốn chủ sở hữu	4,09	3,70	(0,39)
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
3.	- Vòng quay hàng tồn kho	5,58	7,62	2,04
	- Doanh thu thuần / Tổng tài sản	1,82	2,16	0,34
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
	- Hệ số LNST / Doanh thu thuần	0,00	0,00	0,00
	- Hệ số LNST / Vốn chủ sở hữu	(0,04)	0,03	0,07
	- Hệ số LNST / Tổng tài sản	(0,01)	0,01	0,02
	- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh / Doanh thu thuần	0,00	0,00	0,00

Báo cáo HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

A. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Kinh tế Toàn cầu năm 2012 khó khăn và tiềm ẩn nhiều rủi ro, do nền kinh tế Mỹ chưa có dấu hiệu hồi phục, sự bất ổn nền kinh tế châu Âu do các khủng hoảng "Nợ công" liên tiếp xảy ra và bên cạnh đó đã tăng trưởng chậm chạp của nền kinh tế Trung Quốc đã tác động trực tiếp đến tình hình nền kinh tế Thế Giới như đã nêu.

Tại Việt Nam, trong năm 2012 mặc dù Chính phủ Việt Nam đã chủ động áp dụng các biện pháp để ổn định tình hình kinh tế vĩ mô; kiềm chế lạm phát ở mức dưới 7,5%, bình ổn lãi suất cho vay ngắn hạn ở mức dưới 15%/năm; kiểm soát tỷ giá hối đoái; và ngừng giải ngân các dự án đầu tư công. Nhưng tình hình kinh tế trong nước luôn đối diện với khó khăn, nhiều thách thức, áp lực tồn kho hàng hóa ở mức rất cao nhưng nhu cầu mua thì giảm rất nhiều; Và có thể nhận định năm 2012 là năm khó khăn nhất của ngành Thép Việt Nam trong 5 năm trở lại đây.

Trước nhận định những khó khăn trên, Hội đồng quản trị và ban Giám đốc đã phối hợp chặt chẽ với các phòng ban trong Công ty để đưa ra các giải pháp quản trị rủi ro và ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh để Công ty CP Hữu Liên Á Châu đạt các kết quả kinh doanh khả quan và tối ưu nhất cho năm tài chính 2012.

Căn cứ vào nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012, Hội đồng quản trị xin báo cáo việc triển khai và thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông như sau:

1. Kết quả kinh doanh năm tài chính 2012 (giai đoạn từ 01/10/2010 đến 30/9/2012):

ĐVT: Tỷ đồng

STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH NĂM 2011	THỰC HIỆN NĂM 2012	THỰC HIỆN/ KẾ HOẠCH
1	Doanh thu thuần	3.200,00	4.976,96	155%
2	Lợi nhuận trước thuế	46,00	23,40	51%
3	Nợ ngân sách	11,50	7,65	67%
4	Lợi nhuận sau thuế	34,50	15,75	46%

2. Việc tiếp tục duy trì hoạt động "Tái cấu trúc lại hoạt động Doanh nghiệp" trong năm tài chính 2012 đã góp phần tối ưu hóa công tác quản trị rủi ro của Công ty thông qua các việc kiểm soát chặt chẽ tính tuân thủ pháp luật và các qui định nội bộ các rủi ro về qui trình hoạt động, rủi ro về tài chính, rủi ro về thị trường để đạt được các mục tiêu trong kinh doanh, đạt hiệu quả và hiệu suất hoạt động của Công ty được kiểm soát chặt.
3. Công tác di dời nhà máy tại khu dân cư Quận Bình Tân xuống KCN Phú An Thạnh đã được tạm ngưng.
4. Trong năm 2012 HĐQT và các thành viên ban Giám đốc Công ty đã chủ động tìm kiếm các Nhà đầu tư có tiềm lực tốt cho khu phức hợp Hữu Liên Á Châu, nhưng do tình hình thị trường bất động sản năm 2012 đóng băng và đầy rủi ro, nên đến nay vẫn chưa tìm chọn được Nhà đầu tư phù hợp cho dự án khu phức hợp này.
5. Thị trường vốn Việt Nam năm 2012 diễn biến phức tạp, bất ổn và đến thời điểm 30/9/2012 Công ty vẫn chưa huy động được 300 tỷ đồng bổ sung vào nguồn vốn lưu động của Công ty thông qua hình thức huy động vốn phù hợp như phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu.

B. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2013:

Năm 2013 tiếp tục được dự báo là năm khó khăn và đầy thách thức đối với nền kinh tế Việt Nam. Chính phủ Việt Nam vẫn duy trì các mục tiêu tăng cường ổn định kinh tế vĩ mô; lạm phát thấp hơn; tăng trưởng cao hơn năm 2012; đẩy mạnh công tác tái cơ cấu nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng; bảo đảm an sinh xã hội và phúc lợi xã hội; nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập Quốc tế; và tạo nền tảng phát triển vững chắc hơn cho những năm tiếp theo.

Theo dự báo của các chuyên gia kinh tế trên Thế giới thì năm 2013 sẽ có những xu hướng chuyển dịch các nhà máy của các Tập đoàn trên Thế giới từ những thị trường ở các nước đang phát triển về thị trường chi phí thấp hơn như Việt Nam. Đây sẽ là cơ hội tạo điều kiện ổn định phát triển trong những năm tới cho các Doanh nghiệp Việt Nam nói chung và Công ty CP Hữu Liên nói riêng.

Báo cáo của BAN GIÁM ĐỐC

Ngoài ra, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty CP Hữu Liên Á Châu sẽ chịu ảnh hưởng trực tiếp từ các tác động của nền kinh tế Việt Nam, cụ thể các yếu tố sau:

- Sự can thiệp của chính phủ Việt Nam trong việc kiểm soát chặt chẽ Trung Quốc đội lốt "thép hợp kim" sẽ giúp cho các doanh nghiệp Thép cạnh tranh lành mạnh.
- Các yếu tố đầu vào của giá thành đều tăng: Giá điện, giá nước, giá xăng dầu, chi phí tiền lương... làm ảnh hưởng trực tiếp đến giá thành sản xuất của Công ty.
- Các yếu tố khác như: Tỷ lệ lạm phát cao, bất ổn tỷ giá ngoại tệ cũng là yếu tố làm hạn chế sức tiêu thụ của thị trường.
- Bên cạnh đó, nhân tố hỗ trợ tích cực lĩnh vực tiêu thụ sản phẩm của Công ty CP Hữu Liên Á Châu là: Hiện tại Công ty đang chiếm thị phần lớn về việc tiêu thụ sản phẩm trong nước và đang dẫn đầu thị trường ống thép tại Myanmar.

Căn cứ vào cáo nhận định và đánh giá tình hình nêu trên, Hội đồng quản trị và ban Giám đốc đã thận trọng để ra phương hướng và nhiệm vụ hoạt động sản xuất kinh doanh cho năm tài chính 2013 (giai đoạn 01/10/2012 đến 30/9/2013) như sau:

1. Ổn định hoạt động kinh doanh của Công ty thông qua việc:
 - Duy trì công suất sản xuất của 02 nhà máy của Công ty (tại Bình Tân và tại KCN Phú An Thạnh) như công suất đã đạt trong năm 2012
 - Hoàn thành kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2013.
2. Tăng cường năng lực tài chính của Công ty thông qua việc xây dựng và thực hiện kế hoạch huy động vốn 300 tỷ đồng để bổ sung vào nguồn vốn lưu động của Công ty nhằm khắc phục tình trạng mất cân đối nguồn vốn hoạt động của Công ty và nhằm giảm bớt chi phí hoạt động tài chính.
3. Tiếp tục thực hiện công tác "Tái cấu trúc lại hoạt động Doanh nghiệp" trong năm tài chính 2013.
4. Tiếp tục công tác tìm kiếm và mời chào các Nhà đầu tư có tiềm lực tốt cho khu phức hợp Hữu Liên Á Châu.

5. Kế hoạch sản xuất kinh doanh và Lợi nhuận sau thuế năm tài chính 2013 (giai đoạn từ 01/10/2012 đến 30/9/2013):

ĐVT: Tỷ đồng

STT	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN NĂM 2013
1	Doanh thu thuần	3.520,00
2	Lợi nhuận trước thuế	46,00
3	Nộp ngân sách	11,50
4	Lợi nhuận sau thuế	34,50
5	Kế hoạch phân phối lợi nhuận:	
5.1	- Chi cổ tức bằng tiền (8 9%):	31,02
5.2	- Trích các quỹ:	
	+ Trích 4% LNST lập Quỹ khen thưởng:	1,38
	+ Trích 4% LNST lập Quỹ phúc lợi:	1,38
	+ Phần còn lại bổ sung quỹ dự phòng tài chính	0,72

DUY TRÌ ỔN ĐỊNH SẢN XUẤT KINH DOANH

Hữu Liên Á Châu tiếp tục thực hiện "Tái cấu trúc hoạt động Doanh nghiệp" trong năm 2013 làm tiến để hoàn thành tốt các mục tiêu đặt ra trên con đường phát triển vững bền trong tương lai.

A. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM TÀI CHÍNH 2012 (GIAI ĐOẠN TỪ 01/10/2011 ĐẾN 30/9/2012)

Trong bối cảnh tình hình kinh tế Thế giới đang ở trong giai đoạn khủng hoảng nặng nề và thị trường Việt Nam trong năm 2012 đang ở trong giai đoạn "suy thoái" và "giảm phát" nặng nề do tồn kho hàng hóa ở mức cao - nhu cầu tiêu thụ hàng hóa ở mức thấp. Tình hình thị trường ngành thép Việt Nam trong năm có nhiều diễn biến phức tạp; bất ổn tình hình kinh tế vĩ mô; và đa số các doanh nghiệp ngành thép trong nước đều bị ảnh hưởng nặng nề bởi tình hình "giảm phát" đã nêu và khó khăn lớn nhất của ngành thép vẫn là "Đấu ra sản phẩm"; Một số nguyên nhân có tác động bất lợi đến thị trường ngành thép trong năm 2012, là:

- Tiến độ công nghiệp hóa của Việt Nam chậm lại, các công trình xây dựng hầu hết đều tạm ngưng, thị trường kinh tế rơi vào tình trạng "giảm phát" và sản lượng thép tiêu thụ năm 2012 giảm hơn 17% so với năm 2011, sản lượng thép tồn kho lên đến hàng trăm ngàn tấn.
- Bên cạnh đó, các doanh nghiệp Thép trong nước phải đối mặt với sự kiện thép cuộn Trung Quốc đội lốt "thép hợp kim" có chứa hàm lượng vi chất Bo-ron tràn vào thị trường với giá bán chỉ bằng giá nguyên liệu phối thép và đây là điều bất lợi đối với các doanh nghiệp nhập khẩu thép cuộn theo đường chính ngạch.
- Giá thép trong nước liên tục giảm giá, trong khi đó các khoản chi phí điện và nhiên liệu (xăng, dầu...) đều tăng cao; đã kéo theo các chi phí trực tiếp phục vụ cho sản xuất thép tăng lên theo. Để đối phó với các khó khăn đang xảy ra, các doanh nghiệp ngành Thép đã chủ động giảm giá bán ra sản phẩm thép nhằm tránh áp lực hàng tồn kho và chi phí lãi vay. Nên dẫn đến lợi nhuận biên của ngành thép trong năm 2012 thấp hơn nhiều với năm 2011.

Để vượt qua giai đoạn khó khăn trong năm 2012, Ban Giám đốc Công ty CP Hữu Liên Á Châu đã tuân thủ đi theo đúng định hướng của HĐQT đã đề ra; Bên cạnh đó, ban Giám đốc liên tục chủ động đưa ra các giải pháp linh hoạt và triển khai thực hiện để đưa Công ty vượt qua khó khăn và ổn định hoạt động kinh doanh.

Sau đây là kết quả hoạt động của năm tài chính 2012 của Công ty CP Hữu Liên Á Châu:

ĐVT: Tỷ đồng

STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH NĂM 2012	THỰC HIỆN NĂM 2012	THỰC HIỆN/ KẾ HOẠCH
1	Doanh thu thuần	3.200,00	4.976,96	155%
2	Lợi nhuận trước thuế	46,00	23,40	51%
3	Nộp ngân sách	11,50	7,65	67%
4	Lợi nhuận sau thuế	34,50	15,75	46%

B. MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH ĐẾN NGÀY 30/9/2012:

ĐVT: Tỷ đồng

STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH NĂM 2011	THỰC HIỆN NĂM 2012	+ / - CỦA 2012 / 2011
A.	TỔNG TÀI SẢN	2.414,10	2.299,14	(114,96)
1.	Tài sản ngắn hạn	1.840,70	1.698,62	(142,08)
2.	Tài sản dài hạn	573,40	600,52	27,12
B.	TỔNG NGUỒN VỐN	2.414,10	2.299,14	(114,96)
1.	TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ	1.939,42	1.809,74	(129,68)
	Nợ ngắn hạn	1.779,69	1.666,62	(113,07)
	Nợ dài hạn	159,73	143,12	(16,61)
2.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	474,68	489,40	14,72

C. CÁC THÀNH TỰU ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 2012:

Trong năm 2012, Ban Giám đốc và toàn thể nhân viên Công ty CP Hữu Liên Á Châu đã triển khai các giải pháp quản trị nhằm tối ưu hóa hoạt động sản xuất kinh doanh; kiểm soát và tiết giảm chi phí, phát triển nguồn nhân lực, cụ thể:

- Sau hai năm thực hiện sứ mệnh "Tái cấu trúc hoạt động doanh nghiệp", Công ty chúng ta đang triển khai và vận hành hiệu quả các chính sách, quy định, quy trình hoạt động của các bộ phận nhân sự, kinh doanh, cung ứng và tài chính.

- Thực hiện tốt công tác đào tạo và kèm cặp để nâng tầm đội ngũ nhân sự quản lý hiện tại.
- Kiểm soát tốt hệ thống phân phối; cấu trúc các dòng sản phẩm bán ra để đảm bảo các sản phẩm chủ lực của Công ty có Lợi nhuận cao; tỷ trọng bán ra đúng kế hoạch và đảm bảo Tỷ suất lợi nhuận chung của Công ty đạt mức tối ưu nhất.
- Cải thiện, quản lý chi phí tài chính hiệu quả thông qua việc kiểm soát tốt dòng tiền, cơ cấu tuổi nợ, thu hồi công nợ nhanh, đúng hạn và các công nợ quá hạn để chủ động giảm áp lực tài chính của Công ty.
- Kiểm soát và quản lý hiệu quả chi phí hoạt động thông qua việc tiết kiệm chi phí sản xuất, tiết kiệm chi phí phân phối và tiết kiệm chi phí nhân sự và hành chính so với kế hoạch đã đề ra.
- Duy trì tốt hoạt động của chương trình “Sức khỏe hệ thống đánh giá, đo lường sức khỏe của hệ thống phân phối”, đồng thời triển khai hiệu quả “chương trình 5S” cho toàn Công ty.
- Tháng 4 năm 2012, Công ty CP Hữu Liên Á Châu đã chính thức giới thiệu sản phẩm “ống thép hàn dầy” đến các khách hàng trong cả nước.
- Năm 2012 cũng đã đánh dấu sự phát triển và mở rộng thị phần xuất khẩu các sản phẩm thép của Công ty CP Hữu Liên Á Châu sang các nước khu vực Đông Nam Á. Hiện chúng ta đang dẫn đầu phân khúc thị phần ống thép tại thị trường Myanmar.
- Và sự kiện nổi bật của Công ty CP Hữu Liên Á Châu trong năm 2012 là việc Chính phủ Hoa Kỳ chính thức phê duyệt ưu đãi về thuế suất thuế nhập khẩu áp dụng cho các sản phẩm ống thép Hữu Liên Á Châu tại thị trường nước này. Đây là lợi thế cạnh tranh của Công ty chúng ta với các doanh nghiệp khác khi tham gia xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ trong thời gian sắp tới.

D. CÁC ĐỊNH HƯỚNG VÀ KẾ HOẠCH NĂM TÀI CHÍNH 2013 (GIAI ĐOẠN TỪ 01/10/2012 ĐẾN 30/9/2013):

Năm 2013 được dự báo là một năm đầy thách thức và đầy cơ hội đối với nền kinh tế Việt Nam. Trước những dự báo trên, chính phủ Việt Nam đã chủ trương đề ra các mục tiêu ưu tiên trong năm 2013 như sau:

- Tập trung ổn định vĩ mô, giữ tăng trưởng ổn định;
- Tháo gỡ khó khăn cho cộng đồng Doanh nghiệp;
- Cải thiện vấn đề việc làm, thu nhập và đời sống của các tầng lớp dân cư.
- Thực hiện các chính sách tiền tệ chặt chẽ, thận trọng;
- Sử dụng linh hoạt các công cụ của chính sách tiền tệ để thực hiện kiểm soát lạm phát theo mục tiêu đã đề ra dự kiến GDP của Việt Nam trong năm 2013 từ 6,5 – 7% và chỉ số lạm phát là 8%.

Nhận định từ các mục tiêu ưu tiên của Chính phủ, thì ngành Thép Việt Nam trong năm 2013 dự báo vẫn phải tiếp tục đối mặt với những khó khăn và đầy thách thức trước những ảnh hưởng tác động từ chính sách kinh tế vĩ mô trong năm 2013. Căn cứ vào năng lực sản xuất và năng lực kinh doanh của Hữu Liên Á Châu, Ban Giám đốc Công ty đã thận trọng xem xét các cơ hội; các yếu tố rủi ro trong việc xây dựng chiến lược và kế hoạch kinh doanh cho năm tài chính 2013 như sau:

I. Về kế hoạch kinh doanh năm tài chính 2013 (Giai đoạn từ 01/10/2011 đến 30/09/2012):

ĐVT: Tỷ đồng

STT	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN NĂM 2013
1	Doanh thu thuần	3.520,00
2	Lợi nhuận trước thuế	46,00
3	Nợ ngân sách	11,50
4	Lợi nhuận sau thuế	34,50
5	Kế hoạch phân phối lợi nhuận:	
5.1	- Chi cổ tức bằng tiền (8 9%):	31,02
5.2	- Trích các quỹ:	
	+ Trích 4% LNST lập Quỹ khen thưởng:	1,38
	+ Trích 4% LNST lập Quỹ phúc lợi:	1,38
	+ Phần còn lại bổ sung quỹ dự phòng tài chính	0,72

II. Các kế hoạch hành động và các giải pháp cần thiết để hoàn thành các mục tiêu đề ra trong năm tài chính 2013, như sau:

- Tiếp tục nâng cao và duy trì hiệu quả hoạt động của Công ty, cụ thể:
 - Tập trung kiểm soát tốt hệ thống phân phối và cấu trúc các dòng sản phẩm chủ lực bán ra đúng tỷ trọng kế hoạch đã xây dựng; nhằm đảm bảo Tỷ suất lợi nhuận chung của Công ty được tối ưu nhất.
 - Tập trung quản lý hiệu quả chi phí tài chính bằng cách thu hồi công nợ nhanh chóng, đúng hạn để đảm bảo dòng tiền ổn định và giảm áp lực tài chính của Công ty. Đồng thời tái cơ cấu nguồn vốn nhằm giảm chi phí lãi vay.
 - Tập trung quản lý hiệu quả chi phí hoạt động bằng cách tiết kiệm chi phí sản xuất, tiết kiệm chi phí phân phối và tiết kiệm chi phí nhân sự và hành chính.
 - Tập trung quản lý tốt các hoạt động mua hàng của Công ty bằng cách tìm nguồn cung cấp nguyên liệu và hàng hóa giá thấp và chất lượng tốt.
 - Mở rộng thị phần xuất khẩu sang các nước trong khu vực Châu Phi, châu Mỹ và phát triển thị trường Đông Nam Á.
- Cải tiến hệ thống quản lý và nhân sự Công ty:
 - Tiếp tục vận hành và cải tiến các chính sách, quy định, quy trình hoạt động của các bộ phận nhân sự, kinh doanh, cung ứng và tài chính... nhằm quản lý Công ty hiệu quả và chuyên nghiệp hơn.
 - Thường xuyên tổ chức đào tạo và kèm cặp để nâng tầm đội ngũ nhân sự quản lý hiện tại.



Báo cáo của BAN KIỂM SOÁT

Thực hiện chức năng và nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại điều lệ của Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu. Định kỳ, Ban kiểm soát đã tiến hành giám sát quá trình hoạt động của Công ty trong năm qua với các nội dung sau:

- Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty;
- Kết quả kiểm tra tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính năm 2012;
- Kết quả kiểm tra báo cáo tài chính năm 2012;
- Kết quả kiểm tra việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2012;
- Kiến nghị của Ban kiểm soát;
- Kế hoạch làm việc của Ban kiểm soát trong năm 2013;

A. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY:

I. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Những khó khăn của nền kinh tế Việt Nam năm 2012 tiếp tục tác động đến sự phát triển của các Doanh nghiệp trong nước nói chung và các doanh nghiệp ngành thép nói riêng. Thực trạng của các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm thép trong năm 2012 gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là tình hình tiêu thụ chậm, lượng thép tồn kho cao, rất nhiều nhà máy sản xuất thép trong nước phải thực hiện giảm công suất sản xuất. Trước tình hình trên, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc thường xuyên họp định kỳ, đột xuất nhằm kịp thời đưa ra các quyết định phù hợp trong công tác điều hành thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012.

Những vấn đề thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị là trên cơ sở Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Việc thảo luận và biểu quyết là phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu.

II. Hoạt động của Ban Giám đốc:

Năm 2012, hoạt động của Công ty gặp nhiều khó khăn do chi phí đầu vào tăng cao, chính sách thắt chặt tiền tệ, tín dụng và cắt giảm đầu tư công của Nhà nước. Ban Giám đốc với trách nhiệm trực tiếp điều hành mọi hoạt động của Công ty và thực hiện tốt các nhiệm vụ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của Hội đồng quản trị một cách đầy đủ, kịp thời, theo đúng chức năng,

nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong Điều lệ của Công ty.

Trong năm, Ban Giám đốc đã thường xuyên chỉ đạo cán bộ, công nhân viên Công ty để vượt qua khó khăn, tiết kiệm tối đa chi phí sản xuất, chi phí phân phối và chi phí hoạt động nhằm duy trì, ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh. Tích cực thực hiện Công tác tái cấu trúc các dòng sản phẩm, cơ cấu tuổi nợ và cơ cấu nguồn vốn nhằm cải thiện và tiết giảm chi phí tài chính. Ngoài ra Ban Giám đốc đã sửa đổi và ban hành bổ sung các chính sách, quy định, quy trình quản trị nội bộ giúp hoạt động của Công ty được thuận lợi, minh bạch và hiệu quả.

B. KẾT QUẢ KIỂM TRA TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NĂM TÀI CHÍNH 2012:

I. Kết quả kiểm tra tình hình hoạt động kinh doanh của năm tài chính 2012 (Giai đoạn từ 01/10/2011 đến 30/09/2012) như sau:

1. Thực hiện kế hoạch Doanh thu – Lợi nhuận năm tài chính 2012:

Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý, được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Các khoản chi phí, khoản trích dự phòng và khoản nợ khó đòi được ghi nhận theo Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Ban kiểm soát đã làm việc với đơn vị kiểm toán độc lập, qua đó thống nhất kết quả kiểm toán năm tài chính 2012 và đồng ý với các đánh giá hoạt động tài chính của Công ty đã nêu trong báo cáo kiểm toán 2012

Ban kiểm soát xin báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch Doanh thu – Lợi nhuận của năm tài chính 2012 như sau:

ĐVT: Tỷ đồng

STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH NĂM 2012	THỰC HIỆN NĂM 2012	THỰC HIỆN/KẾ HOẠCH
1	Doanh thu thuần	3.200,00	4.976,96	155%
2	Lợi nhuận trước thuế	46,00	23,40	51%
3	Nợ ngắn sách	11,50	7,65	67%
4	Lợi nhuận sau thuế	34,50	15,75	46%

2. Thực hiện kế hoạch Doanh thu – Lợi nhuận năm tài chính 2012:

ĐVT: Tỷ đồng

STT	CHỈ TIÊU	30/09/2012	30/09/2011	TĂNG (+) / GIẢM (-)
A.	TỔNG TÀI SẢN	2.414,11	2.299,14	(114,96)
I.	Tài sản ngắn hạn	1.840,71	1.698,62	(142,08)
	Trong đó:			
1.	Phải thu khách hàng	978,48	976,63	(1,85)
2.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(12,55)	(4,58)	7,97
3.	Hàng tồn kho	723,98	615,08	(108,90)
II.	Tài sản dài hạn	573,40	600,52	27,12
B.	TỔNG NGUỒN VỐN	2.414,11	2.299,14	(114,96)
I.	Nợ phải trả	1.939,42	1.809,74	(129,68)
	Trong đó:			
1.	Nợ ngắn hạn	1.779,69	1.666,62	(113,07)
2.	Nợ dài hạn	159,73	143,12	(16,61)
II.	Nguồn vốn chủ sở hữu	474,68	489,40	14,72
III.	Lợi ích của cổ đông theo thiếu số	-	-	

3. Về kết quả phân phối lợi nhuận và chia cổ tức cho năm tài chính 2012:

ĐVT: Tỷ đồng

STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH NĂM 2012	THỰC HIỆN NĂM 2012
1	Lợi nhuận sau thuế	34,50	15,75
2	Kế hoạch phân phối lợi nhuận:		
	- Chi cổ tức bằng tiền:	31,02	-
	- Trích 4% LNST lập Quỹ khen thưởng:	(# 9%)	-
	- Trích 4% LNST lập Quỹ phúc lợi:	1,38	-
	- Phần còn lại bổ sung	1,38	-
	Quỹ dự phòng tài chính	0,72	

4. Về thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát cho năm tài chính 2012:

Công ty đã thực hiện việc chi thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2012 thấp hơn mức đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 thông qua. Cụ thể:

ĐVT: VND/ Năm

STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH NĂM 2012	THỰC HIỆN NĂM 2012
	Thù lao Hội đồng quản trị Ban kiểm soát	492.000.000	468.000.000
	Chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị - Ban kiểm soát	508.000.000	442.530.092
	TỔNG CỘNG	1.000.000.000	910.530.092

C. KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT CỦA BAN KIỂM SOÁT:

Năm 2013, tình hình kinh tế Thế giới nói chung và tình hình kinh tế Việt Nam nói riêng được dự báo vẫn còn bất ổn, do các cuộc khủng hoảng nợ công Châu Âu vẫn còn đó và thị trường Trung Quốc tăng trưởng thấp đã làm ảnh hưởng trực tiếp đến sức tiêu thụ và xuất khẩu suy giảm trên Toàn Cầu.

Trên cơ sở nhận định này, Ban kiểm soát có một số kiến nghị như sau:

- Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc cần đề ra các giải pháp thận trọng, hợp lý trong chiến lược sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Tiếp tục duy trì giữ vững vị thế thương hiệu Ống Thép Hữu Liên.
- Tiếp tục duy trì và triển khai tốt công tác "Tái cấu trúc Doanh nghiệp".
- Cần nỗ lực giảm chi phí sản xuất, tiết giảm tiêu hao nguyên vật liệu và nhiên liệu.
- Cần duy trì quản lý tốt kho nguyên liệu, vật tư hàng hóa, tổ chức kiểm kê định kỳ.
- Cần đẩy mạnh phát triển xuất khẩu các sản phẩm của Công ty sang thị trường Đông Nam Á, Châu Phi và một số nước khác.
- Có chính sách hỗ trợ và phát triển nguồn nhân lực hiện tại nhằm mang lại hiệu quả cao trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

D. KẾ HOẠCH LÀM VIỆC CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM TÀI CHÍNH 2013:

Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ thay mặt các cổ đông nhằm kiểm soát tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Trong năm tài chính 2013 (niên độ kế toán từ ngày 01/10/2012 đến ngày 30/09/2013), Ban kiểm soát sẽ tiến hành các công việc cụ thể theo kế hoạch sau:

I. Quý I (từ ngày 01/10/2012 đến ngày 31/12/2012):

- Xem xét và kiểm tra báo cáo tài chính Quý I của năm tài chính 2013 (từ ngày 01/10 đến 31/12/2012).
- Xem xét tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty trong Quý I năm tài chính 2013.
- Kiểm tra và đánh giá các chi phí của Quý I năm 2013 nhằm đảm bảo các khoản chi phí sử dụng đúng mục đích và kế hoạch đề ra.

II. Quý II (từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/03/2013):

- Báo cáo đại hội cổ đông thường niên năm 2013.
- Kiểm tra, kiểm soát tính tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam, điều lệ cũng như nội quy, quy chế, quy định của Công ty.
- Xem xét và soát xét báo cáo tài chính Quý 2 năm tài chính 2013 (từ ngày 01/01/2013 đến 31/03/2013)
- Và tổng kết 6 tháng đầu năm 2013 (từ ngày 01/10/2012 đến ngày 31/03/2013).
- Xem xét tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty trong Quý 2 năm tài chính 2013.
- Kiểm tra và đánh giá các chi phí của Quý 2 năm tài chính 2013.

III. Quý III (từ ngày 01/04/2013 đến ngày 30/06/2013):

- Tham gia làm việc với Công ty kiểm toán độc lập trong đợt soát xét báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2013 (niên độ kế toán từ ngày 01/10/2012 đến ngày 31/03/2013). Xem xét báo cáo soát xét, thư quản lý do Công ty kiểm toán độc lập phát hành, kiểm tra việc khắc phục các sai sót.
- Kiểm tra, kiểm soát tính tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam, điều lệ cũng như nội quy, quy chế, quy định của Công ty.

- Xem xét và soát xét báo cáo tài chính Quý 3 năm tài chính 2013 (từ ngày 01/04/2013 đến 30/06/2013)
- Xem xét tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty trong Quý 3 năm tài chính 2013.
- Kiểm tra và đánh giá các chi phí của Quý 3 năm tài chính 2013.

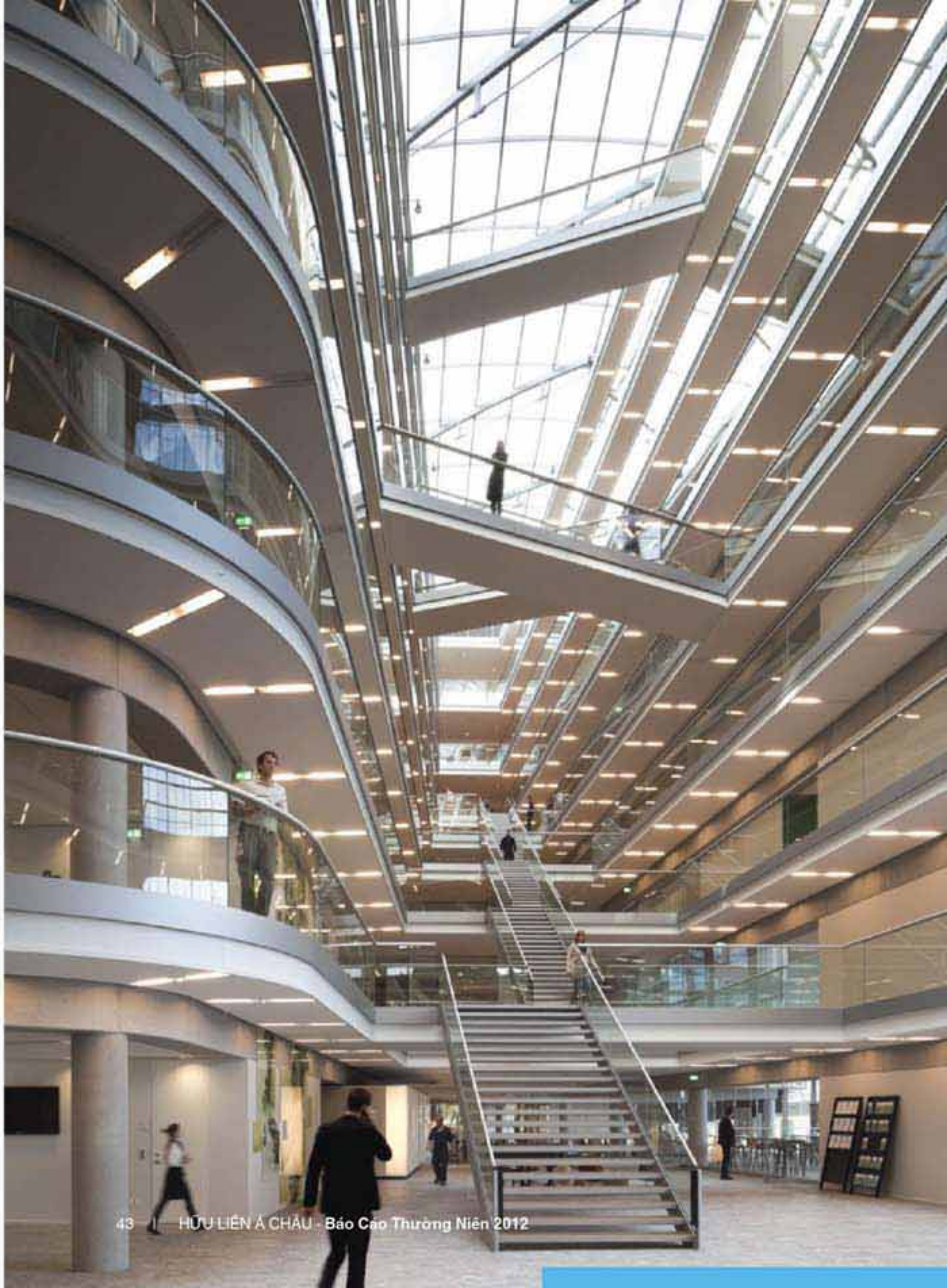
IV. Quý IV (từ ngày 01/07/2013 đến ngày 30/09/2013):

- Xem xét và kiểm tra báo cáo tài chính của Quý 4 năm tài chính 2013 (từ ngày 01/07/2013 đến 30/09/2013).
- Và tổng kết năm tài chính 2013 (từ ngày 01/10/2012 đến ngày 30/09/2013).
- Xem xét tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Quý 4 năm tài chính 2013.
- Kiểm tra và đánh giá các mức chi phí của Quý 4 năm tài chính 2013.

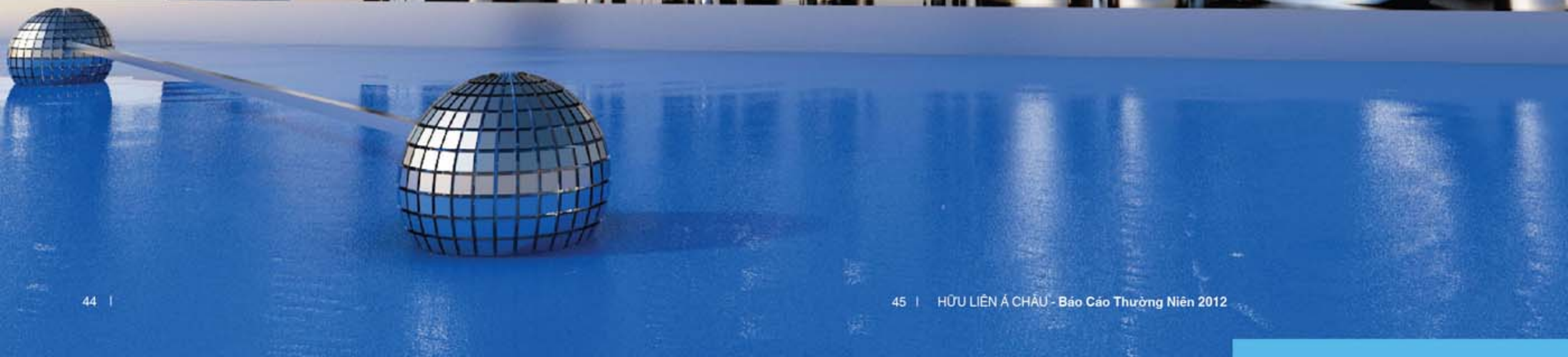
Trên đây là báo cáo tóm tắt của Ban kiểm soát về tình hình hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh năm 2012, kính trình Đại hội xem xét và thông qua báo cáo.

KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Tiếp tục duy trì giữ vững vị thế thương hiệu Ông Thép Hữu Liên.
- Tiếp tục duy trì và triển khai tốt công tác "Tái cấu trúc Doanh nghiệp".
- Cần đẩy mạnh phát triển xuất khẩu các sản phẩm của Công ty sang thị trường Đông Nam Á, Châu Phi và một số nước khác.



HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI



TỐI ƯU HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

A. CÁC BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ RỦI RO TRONG NĂM 2013

Căn cứ vào dự báo tình hình khó khăn và đầy thách thức của nền kinh tế Việt Nam trong năm 2013. Để thực hiện tốt kế hoạch kinh doanh năm tài chính 2013, ban Giám đốc đã xây dựng và đề ra những biện pháp sau:

- Ban Giám đốc Công ty sẽ suy trì việc phối hợp chặt chẽ với các phòng kiểm toán nội bộ, phòng tài chính kế toán để thực hiện quản trị rủi ro.
- Định hướng quản trị rủi ro của Công ty tập trung vào kiểm soát các rủi ro về qui trình hoạt động, rủi ro về tài chính, rủi ro về thị trường nhằm đảm bảo Công ty được kiểm soát chặt chẽ về tài chính, kế toán, đạt được các mục tiêu trong kinh doanh, đạt hiệu quả và hiệu suất hoạt động; và tuân thủ các qui định pháp luật và các qui định nội bộ.
- Xây dựng các kịch bản ứng phó kịp thời với tình hình biến động về tỷ giá, về lãi suất cho vay, về giá của nguyên liệu đầu vào, khả năng thanh toán của các khách hàng, biến động của thị trường và đồng thời củng cố nội lực tài chính, xây dựng mối quan hệ bền vững với các khách hàng, nhà cung cấp và các tổ chức tín dụng của Công ty nhằm đảm bảo ổn định sản xuất kinh doanh và đạt được kết quả tối ưu nhất.

B. KẾ HOẠCH QUẢN TRỊ NỘI BỘ TRONG NĂM 2013

Ban giám đốc Công ty chủ động xây dựng các mục tiêu, các kế hoạch hành động quản trị nội bộ trong Năm tài chính 2013, cụ thể:

1. Nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty:

- Tập trung kiểm soát cơ cấu sản lượng của từng nhóm sản phẩm bán ra theo kế hoạch, nhằm đảm bảo đạt hiệu quả về lợi nhuận kinh doanh đạt kế hoạch.
- Tập trung kiểm soát và công tác cơ cấu tuổi nợ, thu hồi công nợ nhanh chóng, đúng hạn để giảm áp lực tài chính của Công ty.
- Chú trọng kiểm soát tốt công tác dự báo bán hàng nhằm quản lý hiệu quả hàng tồn kho nhằm chủ động nguồn vốn của Công ty và hiệu quả trong việc sử dụng vốn vay tránh áp lực về chi phí tài chính.
- Quản lý hiệu quả chi phí hoạt động bằng cách tiết kiệm chi phí sản xuất, tiết kiệm chi phí phân phối và tiết kiệm chi phí nhân sự và hành chính.
- Quản lý tốt hoạt động mua hàng của Công ty bằng cách tìm nguồn cung cấp nguyên liệu và hàng hóa giá thấp và chất lượng tốt.
- Mở rộng thị phần xuất khẩu sang các nước Đông Nam Á, Myanmar, Hoa Kỳ, châu Phi và các nước khác.

2. Nâng cao hệ thống quản lý và nhân sự Công ty:

- Cải tiến, tiếp tục vận hành các chính sách, quy định, quy trình hoạt động của các bộ phận nhân sự, kinh doanh và tài chính.
- Đào tạo, cập nhật bồi dưỡng kiến thức và nâng tầm đội ngũ nhân sự quản lý hiện tại.
- Xây dựng đội ngũ nhân sự kế thừa các vị trí nhân sự chủ chốt nhằm đảm bảo tính hoạt động liên tục.





ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC 5 NĂM (Từ năm 2013 đến năm 2018)

Căn cứ vào những nhận định về tình hình kinh tế, Hội đồng quản trị đã đề ra phương hướng và kế hoạch phát triển HLAC cho 5 năm tới (từ năm 2013 đến 2018), cụ thể:

1. Định hướng kinh doanh:

- Hữu Liên Á Châu nằm trong nhóm **10 thương hiệu hàng đầu của ngành thép Việt Nam**.
- Gia tăng sản lượng sản xuất nhằm đưa Hữu Liên Á Châu là **thương hiệu dẫn đầu** trong phân khúc ống thép.
- Tập trung phát triển các sản phẩm chủ lực của Công ty nhằm mở rộng kinh doanh trong phân khúc thị trường ống thép.
- Mở rộng thị phần xuất khẩu sang các nước khu vực Đông Nam Á (Lào, Myanmar, Campuchia,...) và các nước thuộc khu vực khác;
- Phát triển các dòng sản phẩm ống thép mạ kẽm và ống thép áp lực.

2. Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh đến năm 2018:

Căn cứ vào những nhận định về tình hình kinh tế, Hội đồng quản trị đã đề ra kế hoạch kinh doanh của Công ty CP Hữu Liên Á Châu đến năm 2018, cụ thể:

ĐVT: Tỷ đồng

CHỈ TIÊU	NĂM 2014	NĂM 2015	NĂM 2016	NĂM 2017	NĂM 2018
Doanh thu thuần	3.850,00	4.240,00	4.660,00	5.120,00	5.630,00
Lợi nhuận sau thuế	70,00	80,00	95,00	110,00	125,00
Chia cổ tức	10%	12%	15%	15%	15%



MỞ RỘNG THỊ TRƯỜNG NƯỚC NGOÀI

Sản phẩm thép thương hiệu Hữu Liên được sử dụng cho hàng triệu công trình nhà ở, khách sạn, cao ốc thương mại, nhà máy và sân bay... ở Việt Nam. Với mục tiêu mang sản phẩm thép HLAC đến với hàng ngàn công trình nhà ở, khách sạn, cao ốc thương mại, nhà máy, sân bay, bến cảng... chúng tôi thiết lập mạng lưới phân phối đa dạng thông qua hệ thống các nhà phân phối lớn, các đại lý bán sỉ, các cửa hàng bán lẻ và phân phối trực tiếp đến các dự án.

Thương hiệu Ống thép Hữu Liên không chỉ là thương hiệu hàng đầu tại Việt Nam, mà còn thu hút sự quan tâm của các đối tác, khách hàng trên thị trường quốc tế, xuất khẩu sang các quốc gia Mỹ, Úc, Singapore ... và đã từng bước phát triển được các thị trường riêng ở khu vực Đông Nam Á.

Năm 2013 Hữu Liên Á Châu tập trung phát triển mạnh thị trường Úc, Mỹ bằng việc phát triển sản phẩm mới, gia tăng mở rộng thị phần ở khu vực Đông Nam Á, thông qua việc hoàn thiện hệ thống phân phối, tập trung quảng bá, xây dựng thương hiệu Ống thép Hữu Liên, nghiên cứu dự án liên doanh xây dựng nhà máy ống thép để đi trước, đón đầu tại các thị trường còn nhiều tiềm năng.

Sản phẩm của Hữu Liên Á Châu được xuất khẩu sang những quốc gia như **Mỹ, Úc, Myanmar, Singapore, Philippines, Campuchia, Lào...**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH



	2017 \$	2016 \$	2015 \$	2014 \$	2013 \$
January	200	137	137	137	137
February	200	137	137	137	137
March	200	137	137	137	137
April	200	137	137	137	137
May	200	137	137	137	137
June	200	137	137	137	137
July	200	137	137	137	137
August	200	137	137	137	137
September	200	137	137	137	137
October	200	137	137	137	137
November	200	137	137	137	137
December	200	137	137	137	137
Total	2137	1424	1424	1424	1424

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (dưới đây gọi chung là Tập đoàn) đã được kiểm toán cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 10 năm 2011 đến ngày 30 tháng 09 năm 2012.

1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103000385 ngày 20 tháng 04 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 13 tháng 08 năm 2012.

Trụ sở và nhà máy được đặt tại KẾ A2/7, Tân Kiên – Bình Lợi, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 344.992.930.000 đồng.

Đến thời điểm 30/09/2012 Công ty có đầu tư vào 01 công ty con là Công ty TNHH MTV Thép Hữu Liên.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất sản phẩm cơ khí
- Cán kéo kim loại
- Mua bán máy móc thiết bị phục vụ sản xuất – xây dựng
- Mua bán nguyên liệu, vật liệu xây dựng
- Kinh doanh bất động sản
- Mua bán hạt nhựa phân bón, hàng điện, điện tử gia dụng, bách hóa, hàng trang trí nội thất
- Đại lý kỹ gửi hàng hóa
- Dịch vụ thương mại

2. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Trần Xảo Cơ	Chủ tịch
Ông Trần Tuấn Nghiệp	Phó Chủ tịch
Ông Phan Văn Dũng	Thành viên
Ông Bùi Quang Hiệp	Thành viên
Ông Đoàn Minh Tiên	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Trần Tuấn Nghiệp	Tổng Giám đốc
Ông Bùi Quang Hiệp	Giám đốc điều hành
Ông Trần Tuấn Minh	Giám đốc sản xuất
Ông Phạm Trần Ái Trung	Giám đốc tài chính

3. Tình hình kinh doanh cho năm tài chính từ ngày 01/10/2011 đến ngày 30/09/2012

Các số liệu về tình hình kinh doanh cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 10 năm 2011 đến ngày 30 tháng 09 năm 2012 được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán DTL.

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

4. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Tập đoàn từ khi kết thúc năm tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính và sổ sách, chứng từ kế toán của Tập đoàn.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính của Tập đoàn, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Tập đoàn có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

5. Kiểm toán viên

Công ty kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 10 năm 2011 đến ngày 30 tháng 09 năm 2012 của Tập đoàn.

6. Ý kiến của Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc, bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 30 tháng 09 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 10 năm 2011 đến ngày 30 tháng 09 năm 2012 nêu trên của Tập đoàn phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 12 năm 2012

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN TUẤN NGHIỆP

Số: 13.101/BCKTHN-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các Cổ đông
CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 30 tháng 09 năm 2012, báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 10 năm 2011 và kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2012 được lập ngày 01 tháng 11 năm 2012 của Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu (dưới đây gọi tắt là Công ty) và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn) từ trang 04 đến trang 34 kèm theo. Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có cơ sở kết luận là các báo cáo tài chính hợp nhất có tránh khỏi sai sót trọng yếu hay không. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thủ nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh các thông tin trong báo cáo tài chính hợp nhất. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Tập đoàn thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 09 năm 2012 cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính từ ngày 01 tháng 10 năm 2011 và kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2012 phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

TÁNG QUỐC THẮNG
Chứng chỉ KTV số Đ.0075/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 12 năm 2012
KIỂM TOÁN VIÊN

DIỆC LÊ BÌNH
Chứng chỉ KTV số 1714/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU VÀ CÁC CÔNG TY CON

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 09 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.698.619.860.161	1.840.705.050.113
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	66.698.166.664	63.953.165.451
1. Tiền	111		50.488.166.664	63.953.165.451
2. Các khoản tương đương tiền	112		15.210.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.382.200	4.136.800
1. Đầu tư ngắn hạn	121		9.095.000	9.095.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		(6.712.800)	(4.958.200)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	6.2	1.015.394.110.796	1.016.600.657.436
1. Phải thu khách hàng	131		976.628.828.948	976.477.978.914
2. Trả trước cho người bán	132		7.124.315.253	14.855.644.946
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		36.216.249.262	34.813.260.459
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(4.676.282.667)	(12.546.226.883)
IV. Hàng tồn kho	140	5.3	615.084.219.792	723.985.699.520
1. Hàng tồn kho	141		615.932.181.634	725.222.145.212
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(847.961.842)	(1.236.445.692)
V. Tài sản ngắn hạn khác	160		2.440.980.709	37.161.390.908
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.4	1.497.302.451	5.553.166.921
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		90.879.192	30.466.484.985
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		142.429.066	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	710.370.000	1.141.739.000

(Phần tiếp theo trang 05)

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU VÀ CÁC CÔNG TY CON

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 09 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		600.517.902.999	573.400.328.256
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		546.523.395.372	504.856.768.868
1. TSCĐ hữu hình	221	5.6	150.882.694.901	158.328.022.697
+ Nguyên giá	222		267.921.541.460	276.127.233.268
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(117.038.846.559)	(117.799.210.571)
2. TSCĐ thuê tài chính	224	5.7	71.488.123.307	67.693.596.749
+ Nguyên giá	225		88.909.528.999	77.762.739.314
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		(17.421.405.692)	(10.079.142.565)
3. TSCĐ vô hình	227	5.8	189.574.950.814	168.373.559.830
+ Nguyên giá	228		203.367.780.536	178.239.480.536
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(13.792.829.722)	(9.865.920.706)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.9	134.577.626.350	110.471.589.592
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
+ Nguyên giá	241		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		14.134.908.716	30.832.069.290
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.10	14.134.908.716	30.832.069.290
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		39.859.598.911	37.711.490.098
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	8.787.980.166	10.000.726.939
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	5.9	3.455.181.823	2.365.909.366
3. Tài sản dài hạn khác	268	5.12	27.616.436.922	25.344.853.793
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.299.137.763.160	2.414.105.378.369

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU VÀ CÁC CÔNG TY CON

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 09 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.809.743.035.348	1.939.420.614.385
I. Nợ ngắn hạn	310		1.866.617.696.089	1.779.688.241.213
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.13	1.202.123.439.353	1.291.794.226.104
2. Phải trả người bán	312	5.14	325.470.283.053	446.748.707.547
3. Người mua trả tiền trước	313	5.14	56.637.901.996	2.015.108.210
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.15	73.928.105.081	33.185.049.615
5. Phải trả người lao động	315		1.899.058.000	192.212
6. Chi phí phải trả	316		4.207.796.323	5.133.670.860
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.16	1.351.112.284	811.286.445
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
II. Nợ dài hạn	330		143.125.339.259	159.732.373.172
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.17	139.493.105.392	154.255.748.891
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc	336		3.632.233.867	5.476.624.281
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		489.394.727.812	474.684.763.984
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.18	489.394.727.812	474.684.763.984
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		344.592.930.000	344.592.930.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		140.887.786.000	140.887.786.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		125.000.000	95.000.000
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		(125.000.000)	(95.000.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.321.176.614	1.351.176.614
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		2.592.835.198	(12.147.128.630)
11. Nguồn vốn đầu tư XDCE	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.299.137.763.160	2.414.105.378.369

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU VÀ CÁC CÔNG TY CON

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 09 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
+ USD		433.944,96	2.233.214,38
+ EUR		208,93	219,85
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN THỊ THANH LOAN

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 11 năm 2012

TỔNG GIÁM ĐỐC

TRẦN TUẤN NGHIỆP



CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU VÀ CÁC CÔNG TY CON

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 10 năm 2011 đến ngày 30 tháng 09 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	4.982.021.448.183	4.389.022.295.063
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	5.060.611.738	3.818.849.364
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	4.976.960.836.445	4.385.203.445.699
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	4.689.766.061.506	4.036.754.220.933
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		287.194.774.939	348.449.224.766
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	34.401.268.211	11.252.619.594
7. Chi phí tài chính	22	6.4	242.161.368.681	270.997.891.712
trong đó, chi phí lãi vay	23		234.812.765.216	220.400.680.782
8. Chi phí bán hàng	24	6.5	39.470.140.921	40.014.060.578
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	35.768.364.806	63.470.435.339
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.196.168.742	(14.780.543.289)
11. Thu nhập khác	31	6.7	31.217.712.425	2.758.469.126
12. Chi phí khác	32	6.8	10.405.382.357	1.455.583.255
13. Lợi nhuận khác	40		20.812.330.068	1.302.885.871
14. Phần lợi nhuận/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	50		(1.606.769.019)	2.367.592.090
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		23.401.729.791	(11.110.065.308)
16.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành	61		8.744.741.420	7.694.079.164
16.2 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62	6.9	(1.089.272.457)	(1.469.933.837)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		15.746.260.828	(17.334.210.635)
17.1. Lợi ích của cổ đông thiểu số	71		-	-
17.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	72		15.746.260.828	(17.334.210.635)
18. Lỗ cơ bản trên cổ phiếu của công ty mẹ	80	5.17.4	457	(511)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN THỊ THANH LOAN

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 11 năm 2012

TỔNG GIÁM ĐỐC

TRẦN TUẤN NGHIỆP



CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU VÀ CÁC CÔNG TY CON
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 10 năm 2011 đến ngày 30 tháng 09 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		23.401.729.791	(11.110.085.308)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		35.857.596.202	30.084.281.820
Các khoản dự phòng	03		(8.357.673.466)	10.943.272.940
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		17.212.367	474.107.162
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(45.847.419.071)	(3.848.254.855)
Chi phí lãi vay	06		234.812.785.216	220.400.680.782
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		239.884.211.039	247.144.002.541
những thay đổi vốn lưu động				
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(37.502.854.078)	(413.693.408.188)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		109.289.963.578	(71.426.877.607)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		43.958.668.925	374.816.329.386
Tăng giảm chi phí trả trước	12		5.268.611.243	(9.833.001.783)
Tiền lãi vay đã trả	13		(230.961.988.536)	(215.860.203.131)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(2.012.073.721)	(1.190.213.602)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1.116.500.000	26.974.331.177
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(5.253.728.914)	(17.148.508.402)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		123.787.309.536	(80.217.548.609)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(65.914.903.990)	(199.208.994.010)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		25.331.863.086	603.636.364
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(7.320.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		40.000.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.810.482.186	3.283.622.407
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		4.227.441.282	(202.639.735.239)

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU VÀ CÁC CÔNG TY CON
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 10 năm 2011 đến ngày 30 tháng 09 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	15.576.386.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(30.000.000)	(95.000.000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		3.009.292.313.379	2.984.804.232.188
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(3.116.709.403.169)	(2.748.482.263.207)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		(16.806.447.448)	(9.974.020.948)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(13.120.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(126.252.537.238)	208.709.334.033
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		1.762.213.580	(74.147.950.816)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		63.953.165.451	138.533.617.561
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(17.212.367)	(432.501.295)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		65.698.166.664	63.953.166.451

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN THỊ THANH LOAN

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 11 năm 2012

TRƯỞNG GIÁM ĐỐC

TRẦN TUẤN NGHIỆP

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 10 năm 2011 đến ngày 30 tháng 09 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu (dưới đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103000385 ngày 20 tháng 04 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 13 tháng 08 năm 2012.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại KE A2/7, Tân Kiên – Bình Lợi, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 344.592.930.000 đồng.

Công ty có đầu tư vào 01 công ty con như được trình bày tại mục 1.3 dưới đây (cùng với Công ty gọi chung là Tập đoàn).

1.2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là:

- Sản xuất sản phẩm cơ khí
- Cán kéo kim loại
- Mua bán máy móc thiết bị phục vụ sản xuất – xây dựng
- Mua bán nguyên liệu, vật liệu xây dựng
- Kinh doanh bất động sản
- Mua bán hạt nhựa phân bón, hàng điện, điện tử gia dụng, bách hóa, hàng trang trí nội thất
- Đại lý kỹ gửi hàng hóa
- Dịch vụ thương mại

1.3. Danh sách các công ty con được hợp nhất

1.3.1. Công ty con trực tiếp

STT	Tên công ty con	Địa chỉ	Quyền biểu quyết của công ty mẹ	Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ
1.	Công ty TNHH MTV Thép Hữu Liên	Lô B15-B21, Đường tỉnh 830, Khu Công nghiệp Phú An Thạnh, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.	100%	100%

1.4. Danh sách công ty liên kết được tổng hợp quyền lợi vào báo cáo tài chính hợp nhất

STT	Tên công ty liên doanh, liên kết	Địa chỉ	Quyền biểu quyết của Công ty	Tỷ lệ lợi ích của Công ty
1.	Công ty Cổ phần Đầu Tư Hữu Liên (*)	503, Lầu 5, Tòa Nhà HD Tower, 25Bis Nguyễn Thị Minh Khai, P.Bến Nghé, Q.1, TP.HCM	50%	50%
2.	Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên	R1-49 Khu phố Hưng Phước 4, Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	30,68%	30,68%

(*) Trong năm, Công ty đã thanh lý khoản đầu tư vào công ty liên kết - Công ty cổ phần Đầu Tư Hữu Liên theo hợp đồng số 02/HD-LD ngày 16 tháng 07 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 10 năm 2011 đến ngày 30 tháng 09 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Bắt đầu từ năm 2011, năm tài chính của Tập đoàn thay đổi từ ngày 01/01 đến ngày 30/09. Các năm tài chính tiếp theo của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01/10 năm nay đến ngày 30/09 năm sau.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán là Chứng từ ghi sổ.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tập đoàn tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 – Đầu tư vào công ty con và báo cáo tài chính hợp nhất để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2012.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Hữu Liên Á Châu, báo cáo tài chính công ty con và phần quyền lợi của Công ty trong lãi, lỗ của các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 10 năm 2011 đến ngày 30 tháng 09 năm 2012. Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

4.2. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối năm tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.4. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 10 năm 2011 đến ngày 30 tháng 09 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 50 năm
+ Máy móc thiết bị	04 - 15 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 - 10 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 10 năm
+ Tài sản cố định khác	05 - 25 năm
+ Tài sản cố định vô hình	50 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 10 năm 2011 đến ngày 30 tháng 09 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định thuê tài chính

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản thuê tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản. Nếu giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tối thiểu cho việc thuê tài sản thì ghi theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tối thiểu.

- Nguyên tắc và phương pháp khấu hao tài sản cố định thuê tài chính

Chính sách khấu hao được áp dụng nhất quán với chính sách khấu hao của tài sản cùng loại thuộc sở hữu của Tập đoàn.

4.8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.

- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.

Cuối kỳ, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4.9. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối kỳ và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

- Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến ngày kết thúc năm tài chính năm. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Công ty và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

4.10. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn do cổ đông góp cổ phần tính theo mệnh giá đã phát hành.

- Thặng dư vốn cổ phần: là phần chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu.

- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế: được trích lập theo đề xuất của Hội Đồng Quản Trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông thường niên.

4.11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 10 năm 2011 đến ngày 30 tháng 09 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.12. Thuê tài sản

Các hợp đồng được phân loại là các hợp đồng thuê tài chính khi các điều khoản của hợp đồng thuê về căn bản chuyển giao mọi rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu tài sản cho Tập đoàn. Các hợp đồng không thỏa điều kiện nêu trên được phân loại là thuê hoạt động.

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

4.13. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành.

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

- Tập đoàn có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

- Các báo cáo thuế của các Công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.14. Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác và các khoản cho vay.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu

4.15. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

4.16. Số liệu so sánh

Như đã trình bày tại mục 2.1 của thuyết minh này, năm 2011 là năm tài chính đầu tiên Tập đoàn thay đổi niên độ kế toán nên năm tài chính 2011 chỉ có 9 tháng từ 01/01/2011 đến 30/09/2011. Do đó, theo quy định của chế độ kế toán để đảm bảo tính so sánh, số liệu so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày như sau: các số liệu năm trước trên bảng kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ được trình bày cho năm tài chính từ ngày 01/10/2010 đến 30/09/2011, các số liệu tương ứng năm nay được trình bày cho năm tài chính từ 01/10/2011 đến 30/09/2012.

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 10 năm 2011 đến ngày 30 tháng 09 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	2.160.417.906	2.145.887.281
Tiền gửi ngân hàng	48.327.748.758	61.807.278.170
Các khoản tương đương tiền	15.210.000.000	-
Tổng cộng	65.698.166.664	63.953.165.451

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	976.628.828.948	978.477.978.914
Trả trước cho người bán	7.124.315.253	14.855.644.946
Các khoản phải thu khác	36.216.249.262	34.813.260.459
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	1.019.969.393.463	1.028.146.884.319
Dự phòng phải thu khó đòi	(4.575.282.667)	(12.546.226.883)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	1.015.394.110.796	1.015.600.657.436

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn, trong đó bao gồm:

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu từ các khách hàng bên ngoài	939.936.485.725	972.003.666.166
Phải thu từ các bên liên quan – Xem thêm mục 8	36.692.343.223	6.474.312.748
Tổng cộng	976.628.828.948	978.477.978.914

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế nhập khẩu của hàng tạm nhập tái xuất	24.981.361.920	-
Thuế GTGT của các hợp đồng thuê tài chính	3.837.309.668	4.857.572.586
Thuế GTGT hàng nhập khẩu chưa kê khai khấu trừ	7.279.520.471	7.395.127.998
Phải thu tiền tạm ứng cho ông Trần Tuấn Nghiệp để thực hiện khoản bảo lãnh tiền vay ngân hàng cho Công ty – Xem thêm mục 8	-	22.000.000.000
Phải thu khác	118.057.203	560.559.875
Tổng cộng	36.216.249.262	34.813.260.459

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 10 năm 2011 đến ngày 30 tháng 09 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.3. Hàng tồn kho

	Cuối năm	Đầu năm
Hàng mua đang đi đường	6.740.000	25.932.118
Nguyên liệu, vật liệu	259.394.190.246	446.821.512.475
Công cụ, dụng cụ	672.596.280	574.845.054
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	33.412.833.204	93.977.316.990
Thành phẩm	129.724.840.798	93.772.708.283
Hàng hóa	192.720.981.106	90.049.830.292
Cộng giá gốc hàng tồn kho	615.932.181.634	725.222.145.212
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(847.961.842)	(1.236.445.692)
Giá trị thuần có thể thực hiện	615.084.219.792	723.985.699.520

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp đảm bảo cho các khoản nợ vay là 338.542.094.616 đồng.

5.4. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.497.302.451	2.638.730.896
Chi phí chờ kết chuyển của máy móc thiết bị thuê tài chính	-	2.914.436.025
Tổng cộng	1.497.302.451	5.553.166.921

5.5. Tài sản ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Tạm ứng	688.870.000	1.120.239.000
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	21.500.000	21.500.000
Tổng cộng	710.370.000	1.141.739.000

(Phần tiếp theo ở trang 18)

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 10 năm 2011 đến ngày 30 tháng 09 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.6. Tàng giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	88.485.902.141	165.161.669.057	15.982.907.031	4.639.042.559	1.857.712.480	276.127.233.268
Mua trong năm	4.019.582.972	9.161.464.070	1.693.390.102	371.428.726	3.289.393.183	18.535.259.053
Tăng do chuyển từ TSCĐ thuê tài chính sang	-	8.812.371.858	-	-	-	8.812.371.858
Thanh lý, nhượng bán	-	(34.469.813.781)	(1.042.962.574)	(40.546.364)	-	(35.553.322.719)
Số dư cuối năm	92.505.485.113	148.665.691.204	16.633.334.559	4.969.924.921	5.147.105.663	267.921.541.460
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	7.579.873.899	97.826.643.477	9.742.944.884	2.153.234.529	496.513.782	117.799.210.571
Khấu hao trong năm	3.809.100.901	15.069.431.716	1.834.137.963	509.818.457	272.430.487	21.494.919.524
Tăng do chuyển từ TSCĐ thuê tài chính sang	-	3.093.504.536	-	-	-	3.093.504.536
Thanh lý, nhượng bán	-	(24.615.106.680)	(728.862.899)	(4.818.493)	-	(25.348.788.072)
Số dư cuối năm	11.388.974.800	91.374.473.049	10.848.219.948	2.658.234.493	768.944.269	117.038.846.559
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	80.906.028.242	67.335.025.580	6.239.962.147	2.485.808.030	1.361.198.698	158.328.022.697
Tại ngày cuối năm	81.116.510.313	57.291.218.155	5.785.114.611	2.311.690.428	4.378.161.394	150.882.694.901

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản đã dùng thế chấp cho các khoản vay là 68.733.679.326 đồng.
Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 52.799.303.981 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 10 năm 2011 đến ngày 30 tháng 09 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Khoản mục	Máy móc thiết bị
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	77.762.739.314
Tăng trong năm	19.959.161.543
Chuyển sang TSCD	(8.812.371.858)
Số dư cuối năm	88.909.528.999
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	10.079.142.565
Khấu hao trong năm	10.435.767.663
Chuyển sang TSCD	(3.093.504.536)
Số dư cuối năm	17.421.405.692
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu năm	67.683.596.749
Tại ngày cuối năm	71.488.123.307

Tập đoàn đang thuê máy móc thiết bị sử dụng trong dây chuyền sản xuất theo hợp đồng thuê tài chính với Công ty Cho Thuê Tài Chính Sacombank.

Theo như điều khoản của những hợp đồng thuê tài chính, Tập đoàn có quyền chọn mua lại tài sản khi kết thúc thời hạn thuê. Cam kết thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê này được trình bày tại mục số 10 của Thuyết minh này.

5.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	176.818.398.843	1.421.081.693	178.239.480.536
Mua trong năm	25.128.300.000	-	25.128.300.000
Số dư cuối năm	201.946.698.843	1.421.081.693	203.367.780.536
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	9.768.510.649	97.410.057	9.865.920.706
Khấu hao trong năm	3.832.170.238	94.738.778	3.926.909.016
Số dư cuối năm	13.600.680.887	192.148.835	13.792.829.722
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	167.049.888.194	1.323.671.636	168.373.559.830
Tại ngày cuối năm	188.346.017.956	1.228.932.858	189.574.950.814

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản đã dùng thế chấp cho các khoản vay là 188.346.017.952 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 10 năm 2011 đến ngày 30 tháng 09 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối năm	Đầu năm
Mua sắm tài sản cố định	80.848.125.878	73.842.297.682
Quyền sử dụng đất	40.000.000.000	25.075.000.000
Công trình nhà xưởng	4.760.317.009	7.027.649.000
Chi phí dự án cho khu phức hợp Hữu Liên	8.887.374.409	1.768.181.818
Chi phí đóng cọc	-	1.014.816.209
Khác	81.809.054	1.743.644.883
Tổng cộng	134.577.626.350	110.471.589.592

5.10. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Đầu tư dài hạn vào công ty liên doanh, liên kết :		
Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên	14.134.908.716	13.982.260.541
Công ty Cổ phần Đầu Tư Hữu Liên	-	16.849.808.749
Tổng cộng	14.134.908.716	30.832.069.290

Đầu tư vào công ty liên kết được chi tiết như sau:

Tên công ty	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Ngành nghề kinh doanh
Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên	30,68%	30,68%	Sản xuất hàng nội thất và các sản phẩm bằng thép
Công ty Cổ phần Đầu Tư Hữu Liên (*)	50%	50%	Dịch vụ môi giới, kinh doanh bất động sản

(*) Công ty đã thanh lý khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu Tư Hữu Liên theo hợp đồng số 02/HD-LD ngày 16 tháng 07 năm 2012

5.11. Chi phí trả trước dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí dụng cụ sản xuất, phụ tùng thay thế	6.544.840.658	7.886.877.830
Chi phí phần mềm Lemon 3 chờ phân bổ	605.947.290	988.650.842
Chi phí sửa chữa khác	1.637.192.218	1.125.198.267
Tổng cộng	8.787.980.166	10.000.726.939

5.12. Tài sản dài hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Đặt cọc đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng	16.824.208.392	13.769.222.261
Đặt cọc cho các hợp đồng thuê tài chính	8.975.350.000	9.663.753.000
Đặt cọc tiền thuê mặt bằng	1.680.000.000	1.785.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 10 năm 2011 đến ngày 30 tháng 09 năm 2012
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Khác	136.878.530	126.878.532
Tổng cộng	27.616.436.922	25.344.853.793

5.13. Vay ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngân hàng	1.170.608.018.737	1.261.745.056.909
Vay dài hạn đến hạn trả - Xem thêm mục 5.16	16.598.392.616	18.041.099.820
Nợ thuế tài chính đến hạn trả - Xem thêm mục 5.16	14.917.028.000	12.008.069.375
Tổng cộng	1.202.123.439.353	1.291.794.226.104

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau:

Tên ngân hàng	Dư nợ vay	Lãi suất (%/năm)	Tài sản đảm bảo
BIDV	149.851.435.301	14,7 với VNĐ	- Xe Toyota LandCruiser GX theo HĐ thế chấp số 03/2004/72489 được định giá là 3.884.745.869 đồng - Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà số 05-07 Trần Điện, Q.5, trị giá 6.079.000.000 đồng - Tài sản thế chấp là NVL, HH tồn kho theo HĐ thế chấp số 01/2007-HĐTC-72489 trị giá 57.330.000.000 đồng
First Bank	83.180.321.782	17,5 với VNĐ	Tiền gửi có kỳ hạn
May bank	45.388.240.588	15 với VNĐ	Tín chấp
Navi bank	182.650.724.048	9,5 với USD 23,5 với VNĐ	Lô hàng sắt thép hình thành từ vốn vay
Sacombank	687.138.619.259	6,54 với USD & 15,27 -16,7 với VNĐ	+ Theo HĐ thế chấp ngày 17/08/2011: - QSD đất, văn phòng, nhà xưởng tại 106A Trần Đại Nghĩa, Q. Bình Tân, trị giá 162.217.000.000 đồng - NVL, hàng hóa sắt thép không gỉ theo từng hợp đồng nhận nợ + QSD đất lô B15-21 KCN Phú An Thạnh + Toàn bộ số dư TGNH và phải thu
Vietcombank	6.684.800.000	15,75 với VNĐ	Lô hàng sắt thép hình thành từ vốn vay
Techcombank	15.713.877.759	18 với VNĐ	Toàn bộ hàng tồn kho hình thành từ vốn vay
Tổng cộng	1.170.608.018.737		

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 10 năm 2011 đến ngày 30 tháng 09 năm 2012
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.14. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	326.470.283.053	446.748.707.547
Người mua trả tiền trước	56.637.901.995	2.015.108.210
Tổng cộng	383.108.185.048	448.763.815.757

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn, trong đó :

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả nhà cung cấp bên ngoài	326.447.643.053	432.394.731.777
Phải trả các bên có liên quan – Xem thêm mục 8	22.640.000	14.353.975.770
Tổng cộng	326.470.283.053	446.748.707.547

5.15. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	32.993.669.331	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	7.279.510.468	7.395.117.995
Thuế xuất, nhập khẩu	12.574.331.871	11.037.371.268
Thuế thu nhập doanh nghiệp	21.080.593.411	14.347.925.712
Thuế thu nhập cá nhân	-	26.575.418
Thuế khác	-	378.059.422
Tổng cộng	73.928.105.081	33.185.049.815

5.16. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Cuối năm	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	128.607.191	230.440.410
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp phải nộp	173.480.003	80.846.035
Nhận đặt cọc theo hợp đồng kinh tế số 010311/AC-NQ/2011 ngày 01/03/2011	500.000.000	500.000.000
Phải trả tạm ứng thẻ cho ông Trần Tuấn Nghiệp – xem thêm mục 8	543.799.058	-
Khác	5.226.032	-
Tổng cộng	1.351.112.284	811.286.445

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 10 năm 2011 đến ngày 30 tháng 09 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.17. Vay và nợ dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngân hàng	90.517.579.365	105.591.731.981
Nợ thuê tài chính – xem thêm mục 10	48.975.526.027	48.664.016.910
Tổng cộng	139.493.105.392	154.255.748.891

Vay dài hạn từ ngân hàng được chi tiết như sau:

Hợp đồng vay	Dư nợ vay		Lãi suất (%/năm)	Tài sản đảm bảo
	Nợ gốc	Nợ đến hạn trả		
9100	-	145.880.000	16,52	Quyền sử dụng đất
11232	3.296.166.365	1.040.912.616	16,52	Nhà cửa vật kiến trúc
LD 1014600266	69.259.280.000	10.388.880.000	18,5	QSD lô đất B15-B21 KCN Phú An Thạnh
PHL.DN.01110910	250.012.000	249.996.000	15,86 – 23	- 2 xe ô tô con nhãn hiệu Innova G, biển số 62M – 0677, 62M – 0601 - Máy cuốn ống thép 4 inch
PHL.DN.01140711	17.528.800.000	4.572.720.000	23	Hệ thống máy cuốn hàn ống thép 4 inch Tube Mill Line
BHL.DN.01200810	183.321.000	200.004.000	15,86	Xe ô tô con nhãn hiệu Toyota, 5 chỗ, biển số 62M - 0570
Tổng cộng	90.517.579.365	16.598.392.616	Xem mục 5.13	

Chi tiết nợ thuê tài chính như sau :

Hợp đồng thuê	Dư nợ vay		Lãi suất (%/năm)	Thời hạn thuê
	Nợ gốc	Nợ đến hạn trả		
SBL010200906010	4.131.022.785	3.304.816.800	18,12	4 năm
HD-3012	4.129.823.503	1.245.823.400	15,7	5 năm
HD-3011	26.421.142.839	7.656.793.600	15,7	5 năm
HD-1012	14.293.536.900	2.709.594.200	16,2	5 năm
Tổng cộng	48.975.526.027	14.917.028.000	Xem mục 5.13	

(Phần tiếp theo ở trang 24)

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 10 năm 2011 đến ngày 30 tháng 09 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.18. Vốn chủ sở hữu								
5.18.1 Biến động của Vốn chủ sở hữu								
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Có phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	328.000.000.000	139.000.000.000	-	-	(645.139.605)	1.446.176.614	(14.078.641.628)	453.722.395.381
Tăng vốn trong năm	16.592.930.000	1.887.786.000	-	-	-	-	-	18.480.716.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	(95.000.000)	-	-	2.879.645.041	2.879.645.041
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	95.000.000	-	-	(95.000.000)	-	(95.000.000)
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	645.139.605	-	-	645.139.605
Tạm trích quỹ	-	-	-	-	-	-	(3.516.452.473)	(3.516.452.473)
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	2.568.320.430	2.568.320.430
Số dư đầu năm nay	344.592.930.000	140.887.786.000	95.000.000	(95.000.000)	-	1.351.176.614	(12.147.128.630)	474.684.763.984
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	15.746.260.828	15.746.260.828
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	30.000.000	(30.000.000)	-	(30.000.000)	-	(30.000.000)
Chi quỹ	-	-	-	-	-	-	(1.006.297.000)	(1.006.297.000)
Số dư cuối năm	344.592.930.000	140.887.786.000	125.000.000	(125.000.000)	-	1.321.176.614	2.592.835.198	489.394.727.812

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 10 năm 2011 đến ngày 30 tháng 09 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.18.2 Chi tiết vốn chủ sở hữu

	Tại ngày 30/09/2012		Tại ngày 01/10/2011	
	Vốn góp	Tỷ lệ %	Vốn góp	Tỷ lệ %
Tổ chức trong nước	39.323.300.000	11,41	18.692.940.000	5,43
Tổ chức nước ngoài	192.460.000	0,06	130.460.000	0,04
Cá nhân trong nước	304.221.670.000	88,28	324.964.870.000	94,3
Cá nhân nước ngoài	855.500.000	0,25	804.660.000	0,23
Tổng cộng	344.592.930.000	100,00	344.592.930.000	100,00

5.18.3 Cổ phần

	Cuối năm	Đầu năm
• Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	67.200.000	67.200.000
• Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra	34.459.293	34.459.293
• Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	(12.500)	(9.500)
• Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	34.446.793	34.449.793
• Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần		

5.18.4 Lãi cơ bản trên cổ phần

	Năm nay	Năm trước
Lãi/lỗ sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	15.746.260.828	(17.334.210.635)
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	34.449.131	33.950.261
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	457	(511)

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	3.781.652.751.802	2.800.359.451.235
Doanh thu bán thành phẩm	1.195.515.764.949	1.586.660.352.066
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.852.931.432	2.002.491.762
Chiết khấu thương mại	(56.667.175)	-
Giảm giá hàng bán	(59.027.150)	-
Hàng bán bị trả lại	(4.944.917.413)	(3.818.849.364)
Doanh thu thuần	4.976.960.836.445	4.385.203.445.699

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 10 năm 2011 đến ngày 30 tháng 09 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng hóa đã bán	3.623.165.482.509	2.569.389.749.903
Giá vốn thành phẩm đã bán	1.071.539.827.773	1.465.935.005.146
Giá vốn dịch vụ	459.539.427	-
Giá vốn hàng bán bị trả lại	(5.010.304.353)	(2.345.107.403)
Dự phòng hàng tồn kho	(388.483.850)	3.774.573.287
Tổng cộng	4.689.766.061.506	4.036.754.220.933

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền ký quỹ	4.810.350.186	3.283.467.607
Lãi chuyển nhượng vốn	25.909.608.445	-
Cổ tức được chia	132.000	154.800
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.677.220.994	7.964.513.574
Doanh thu hoạt động tài chính khác	3.956.586	4.483.613
Tổng cộng	34.401.268.211	11.252.619.594

6.4. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	234.812.765.216	220.400.680.782
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.227.229.271	42.483.935.647
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	17.212.512	474.120.724
Phí ngân hàng	-	7.530.809.732
Chi phí hoạt động tài chính khác	104.161.682	108.344.827
Tổng cộng	242.161.368.681	270.997.891.712

6.5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	9.808.550.475	6.550.357.308
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	-	1.029.728
Chi phí khấu hao	23.811.287	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.530.988.162	24.272.927.934

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 10 năm 2011 đến ngày 30 tháng 09 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Chi phí bằng tiền khác	6.106.790.997	9.189.745.608
Tổng cộng	39.470.140.921	40.014.060.578
6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	17.939.726.554	16.496.247.362
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	454.118.823	521.910.112
Chi phí khấu hao	6.065.653.468	7.377.719.273
Thuế, phí, lệ phí	55.767.963	66.100.600
Chi phí dự phòng	(7.970.944.216)	7.623.346.068
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.983.666.287	6.088.219.678
Chi phí khác	13.240.375.927	25.296.892.246
Tổng cộng	35.768.364.806	63.470.435.339
6.7. Thu nhập khác		
	Năm nay	Năm trước
Thu thanh lý tài sản cố định	25.331.863.086	603.636.364
Thuế nhập khẩu được hoàn	4.903.709.150	574.718.215
Xử lý công nợ	-	1.467.053.297
Khác	982.140.189	113.061.250
Tổng cộng	31.217.712.425	2.758.469.126
6.8. Chi phí khác		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thanh lý tài sản cố định	10.204.534.646	239.003.916
Chi phí khấu hao tài sản cố định không có chứng từ hợp lệ	-	429.645.931
Tiền phạt vi phạm hành chính	178.291.199	378.059.422
Khác	22.556.512	408.873.986
Tổng cộng	10.405.382.357	1.455.583.255

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 10 năm 2011 đến ngày 30 tháng 09 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại của Công ty và những biến động trong năm và năm trước được trình bày như sau:

	Trợ cấp mất việc làm	Lợi nhuận chưa thực hiện từ giao dịch bán hàng nội bộ	Lỗi do chênh lệch tỷ giá	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	450.134.210	864.662.153	-	1.314.796.363
Hạch toán là thu nhập (chi phí) trong kết quả kinh doanh năm trước	(135.567.326)	1.075.321.805	111.358.524	1.051.113.003
Số dư đầu năm nay	314.566.884	1.939.983.958	111.358.524	2.365.909.366
Hạch toán là thu nhập (chi phí) trong kết quả kinh doanh trong năm	(314.566.884)	1.510.899.772	(107.060.431)	1.089.272.457
Số dư cuối năm	-	3.450.883.730	4.298.093	3.455.181.823

6.10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng hóa đã bán	3.488.774.464.811	2.764.758.227.597
Chi phí nhân viên	878.974.554.797	68.350.860.378
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	379.300.253.840	1.279.507.076.905
Chi phí khấu hao	35.857.596.203	30.084.261.820
Thuế, phí, lệ phí	31.297.293	329.522.494
Chi phí dự phòng	(8.359.428.066)	11.398.884.355
Chi phí dịch vụ mua ngoài	47.946.747.060	55.350.702.278
Chi phí khác	20.537.880.838	39.557.880.645
Tổng cộng	4.843.063.366.776	4.249.337.416.472

7. Báo cáo bộ phận

Tập đoàn có quy mô hoạt động trong nước và nước ngoài với một ngành nghề kinh doanh chính là kinh doanh và sản xuất sản phẩm cơ khí, các sản phẩm được làm từ thép.

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 10 năm 2011 đến ngày 30 tháng 09 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

	Trong nước	Nước Ngoài	Loại trừ	Tổng cộng
Doanh thu	5.822.239.195.051	484.595.113.004	(1.329.873.471.610)	4.976.960.836.445
Lỗ từ công ty liên doanh, liên kết	(1.606.769.019)	-	-	(1.606.769.019)
Kết quả hoạt động kinh doanh trước thuế, trước hoạt động tài chính và trước hoạt động khác	261.312.220.879	(40.753.804.300)	(10.208.916.386)	210.349.509.193
Thu nhập tài chính				34.401.268.211
Chi phí tài chính				(242.161.368.681)
Thu nhập khác				31.217.712.425
Chi phí khác				(10.405.382.357)
Thuế TNDN				7.655.468.963
Lợi ích của cổ đông thiểu số				-
Lợi nhuận sau thuế				15.746.260.828

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 30 tháng 09 năm 2012 như sau:

	Trong nước	Nước ngoài	Loại trừ	Tổng cộng
Tài sản bộ phận	2.601.641.434.897	45.963.957.200	(346.492.853.451)	2.301.112.538.646
Tài sản không phân bổ	(5.425.659.216)	-	3.450.883.730	(1.974.775.486)
Tổng tài sản	2.596.215.775.681	45.963.957.200	(343.041.969.721)	2.299.137.763.160
Nợ phải trả bộ phận	598.828.418.113	103.107.170.097	(233.809.097.607)	468.126.490.603
Nợ phải trả không phân bổ	1.341.616.544.745	-	-	1.341.616.544.745
Tổng nợ phải trả	1.940.444.962.858	103.107.170.097	(233.809.097.607)	1.809.743.035.348

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 10 năm 2011 đến ngày 30 tháng 09 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Tập đoàn không có báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh vì Tập đoàn chỉ có một ngành nghề là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm cơ khí, kim loại. Do đó, tính chất của hàng hóa; quy trình sản xuất; kiểu hoặc nhóm khách hàng sử dụng sản phẩm; phương pháp phân phối cũng như môi trường pháp lý về việc cung cấp sản phẩm không có sự khác biệt cần phải thuyết minh.

8. Thông tin về các bên có liên quan

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị sau đây được xem là các bên có liên quan với Công ty:

Tên công ty	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Đầu Tư Hữu Liên (*)	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên	Công ty liên kết

(*) Công ty đã thanh lý khoản đầu tư vào Công ty Cổ Phần Đầu Tư Hữu Liên theo hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số 02/HD-LD ngày 16 tháng 07 năm 2012.

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu với các bên liên quan như sau – Xem thêm mục 5.2

	Cuối năm	Đầu năm
Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên	36.692.343.223	6.474.312.748
Phải thu tiền tạm ứng cho ông Trần Tuấn Nghiệp để thực hiện khoản bảo lãnh tiền vay ngân hàng cho Công ty	-	22.000.000.000
Tổng cộng	36.692.343.223	28.474.312.748

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải trả với các bên liên quan như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Công ty CP Đầu Tư Hữu Liên – Xem thêm mục 5.14	-	3.530.064.902
Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên – Xem thêm mục 5.14	22.640.000	10.823.910.868
Phải trả ông Trần Tuấn Nghiệp do tạm ứng thẻ NH – Xem thêm mục 5.16	543.799.058	-
Tổng cộng	566.439.058	14.353.975.770

- Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong kỳ như sau:

	Năm nay	Năm trước
Bán thành phẩm	53.988.682.183	28.245.269.628
Bán hàng hóa	13.232.081.421	20.384.714.221
Thu nhập bán TSCĐ	21.881.818.183	212.727.273
Thu nhập cho thuê	3.167.751.724	890.053.362
Thu nhập do cung cấp dịch vụ gia công	265.735.045	57.662.936
Mua nguyên vật liệu	16.533.098.448	326.493.720

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 10 năm 2011 đến ngày 30 tháng 09 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Mua hàng hóa	2.824.457.230	5.492.470.426
Mua công cụ đồ dùng	37.722.270	156.540.003
Chi phí vận chuyển xe đầu kéo	14.407.914.522	6.336.515.459
Chi phí thuê nhà	133.337.600	665.009.092
Chi phí xây dựng nhà xưởng	3.930.858.982	29.254.233.952
Mua tài sản cố định	5.013.841.818	-
Chuyển nhượng phần vốn góp vào Công ty CP Đầu Tư Hữu Liên cho bà Lưu Lang Phương theo hợp đồng số 02/HD-LD ngày 16/07/2012	40.000.000.000	-

- Thủ lao Hội đồng quản trị và thu nhập của Ban Tổng Giám đốc của công ty mẹ:

	Năm nay	Năm trước
Thủ lao Hội đồng quản trị của công ty mẹ	468.000.000	408.000.000
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc của công ty mẹ	3.119.723.461	3.227.078.030
Tổng cộng	3.587.723.461	3.635.078.030

9. Công cụ tài chính

- Quản lý rủi ro vốn

Tập đoàn quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tập đoàn có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tập đoàn gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Tập đoàn áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.14

- Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/09/2012	01/10/2011
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	65.698.166.664	63.953.165.451
Phải thu khách hàng và phải thu khác	999.691.483.203	1.013.298.105.824
Tổng cộng	1.065.389.649.867	1.077.251.271.275
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	1.341.616.544.745	1.446.049.974.995
Phải trả nhà cung cấp và phải trả khác	326.970.283.053	447.248.707.547
Chi phí phải trả	4.207.796.323	5.133.670.880
Tổng cộng	1.672.794.624.121	1.898.432.353.422

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 10 năm 2011 đến ngày 30 tháng 09 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Tập đoàn chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

- Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Tập đoàn chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

- Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Tập đoàn chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

- Quản lý rủi ro tỷ giá

Tập đoàn đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tập đoàn sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tập đoàn chưa thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/09/2012	01/10/2011	30/09/2012	01/10/2011
Đô la Mỹ (USD)	8.249.485,26	6.656.352,00	2.583.780,41	3.852.724,04
Euro (EUR)	-	-	208,93	219,85

- Quản lý rủi ro lãi suất

Tập đoàn chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tập đoàn chịu rủi ro lãi suất khi các đơn vị thuộc Tập đoàn vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Tập đoàn quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

- Rủi ro về giá

Tập đoàn chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tập đoàn không có ý định bán các khoản đầu tư này.

- Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tập đoàn. Tập đoàn có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tập đoàn có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tập đoàn không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

- Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tập đoàn quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Tập đoàn tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 10 năm 2011 đến ngày 30 tháng 09 năm 2012
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

kỳ đó. Chính sách của Tập đoàn là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Tập đoàn duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn còn lại theo hợp đồng đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Tập đoàn phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Tập đoàn phải trả.

30/09/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải trả nhà cung cấp và phải trả khác	326.970.283.053	-	326.970.283.053
Chi phí phải trả	4.207.796.323	-	4.207.796.323
Các khoản vay	1.202.123.439.353	139.493.105.392	1.341.616.544.745
Tổng cộng	1.533.301.518.729	139.493.105.392	1.672.794.624.121
01/10/2011	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải trả nhà cung cấp và phải trả khác	447.248.707.547	-	447.248.707.547
Chi phí phải trả	5.133.670.880	-	5.133.670.880
Các khoản vay	1.291.794.226.104	154.255.748.891	1.446.049.974.995
Tổng cộng	1.744.176.604.531	154.255.974.995	1.898.432.353.422

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Tập đoàn có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tập đoàn vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/09/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	972.053.546.281	27.637.936.922	999.691.483.203
Tổng cộng	972.053.546.281	27.637.936.922	999.691.483.203
01/10/2011	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	987.953.252.031	25.344.853.793	1.013.298.105.824
Tổng cộng	987.953.252.031	25.344.853.793	1.013.298.105.824

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 10 năm 2011 đến ngày 30 tháng 09 năm 2012
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

10. Các nghĩa vụ theo hợp đồng thuê tài chính

Tập đoàn đang thuê máy móc thiết bị dùng cho việc sản xuất ống thép với thời gian sử dụng ước tính từ 05 đến 49 năm theo hợp đồng thuê tài chính với thời hạn thuê từ 01 đến 05 năm. Các khoản nợ thuê tài chính tối thiểu phải trả trong tương lai được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả ngắn hạn		
Từ 1 năm trở xuống – Xem thêm mục 5.13	14.917.028.000	12.008.069.375
Phải trả dài hạn		
Trên 1 năm đến 5 năm – Xem thêm mục 5.16	48.975.526.027	48.664.016.910
Tổng cộng	63.892.554.027	60.672.086.285

11. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

12. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 10 năm 2011 đến ngày 30 tháng 09 năm 2012 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 01 tháng 11 năm 2012.

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ THANH LOAN

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 11 năm 2012

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN TUẤN NGHIỆP

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU

KE A2/7 Trần Đại Nghĩa, Phường Tân Tạo A,
Quận Bình Tân, TP. HCM, Việt Nam
ĐT: (08) 3877 0062 - Fax: (08) 3877 0093